

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thu Hương

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DVTS CÁT HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Phạm Thị Thu Hường

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Đông Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thu Hương

Mã SV: 1312401076

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát lý luận chung về kế toán vốn bằng tiền
Phản ánh thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại công ty công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.
Đôi chiếu lý luận và thực tiễn, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Số liệu năm 2016
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DVTS CÁT HẢI

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: : : Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 6 tháng 7 năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền

Nhìn chung tác giả đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung mà đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả một cách khá chi tiết và đầy đủ về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty với số liệu năm 2016 tương đối hợp lý và có tính logic.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

Tác giả đã có những nhận xét đánh giá tương đối khách quan và xác thực về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ): **9,75** (Chín phẩy bảy lăm điểm).

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Khái quát công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp	3
1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền	3
1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền.....	3
1.1.3. Vai trò của vốn bằng tiền.	4
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.1.5. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	4
1.1.6. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp.....	6
1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt.....	6
1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ.....	7
1.2.3. Tài khoản sử dụng, kết cấu tài khoản.....	8
1.2.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ.....	9
1.2.4.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam.....	9
1.2.4.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.....	10
1.2.4.3. Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.....	13
1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng.....	13
1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi Ngân hàng.....	13
1.3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi Ngân hàng.....	14
1.3.3. Tài khoản sử dụng.....	15
1.3.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng.....	15
1.3.4.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam.....	15
1.3.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ.....	16
1.4. Kế toán tiền đang chuyển.....	19
1.4.1. Chứng từ sử dụng.....	19
1.4.2. Tài khoản sử dụng.....	19
1.4.3. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển.....	20
1.4.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển.....	20
1.5. Sổ kế toán và các hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp	22
1.5.1. Sổ kế toán	22
1.5.2. Các hình thức sổ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....	22

1.5.2.1. Hình thức Nhật ký chung	22
1.5.2.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái	24
1.5.2.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ	25
1.5.2.4. Hình thức Nhật ký chứng từ.....	27
1.5.2.5. Hình thức Kế toán máy	28
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI	29
2.1. Khái quát chung về Công ty CP Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.....	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	29
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	31
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty	34
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	37
2.1.4.1 Bộ máy kế toán tại Công ty.....	37
2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty	39
2.1.4.3. Hình thức sổ kế toán.....	39
2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải	41
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại Công ty	41
2.2.1.1. Tài khoản sử dụng	42
2.2.1.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng.....	42
2.2.1.3. Trình tự hạch toán kế toán tiền mặt	42
2.2.1.4. Ví dụ minh họa:.....	44
2.2.2. Công tác kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty	56
2.2.2.1. Tài khoản sử dụng.	56
2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:	56
2.2.2.3. Trình tự hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng.....	56
2.2.2.4. Ví dụ minh họa.....	58
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DVTS CÁT HẢI	70
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải.	70
3.1.1. Ưu điểm.....	70
3.1.2. Nhược điểm.....	72

3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải	73
3.2.1. Hoàn thiện về công tác quản lý tiền mặt	73
3.2.2. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách:.....	77
3.2.3. Ứng dụng phần mềm kế toán máy trong công tác kế toán.....	79
KẾT LUẬN	80

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình : Vốn và nguồn, tăng và giảm ... Mỗi thông tin thu được là kết quả của quá trình có tính hai mặt: thông tin và kiểm tra.

Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập tại **Công ty Cổ phần chế biến DVTS Cát Hải** với sự giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị phòng kế toán Công ty và sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của giảng viên Thạc sĩ Đồng Thị Nga, em xin chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần chế biến DVTS Cát Hải”**, để đi sâu vào nghiên cứu và viết khóa luận.

Nội dung khóa luận gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần chế biến DVTS Cát Hải.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần chế biến DVTS Cát Hải.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Khái quát công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp****1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền**

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động ở hình thái tiền tệ trong quá trình vận động. Nó có tính linh hoạt cao nhất trong Bảng cân đối kế toán, đồng thời nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp tại thời điểm.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp gồm:

- Tiền mặt tại quỹ (TK 111)
- Tiền gửi ngân hàng (TK 112)
- Tiền đang chuyển (TK 113)

1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp.

Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

1.1.3. Vai trò của vốn bằng tiền.

- Vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao, do vậy được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa để sản xuất kinh doanh, quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp;

- Việc quản lý, sử dụng vốn bằng tiền là một khâu quan trọng nhất trong doanh nghiệp mà kế toán là công cụ hiệu quả nhất. Do vậy kế toán cần thu thập thường xuyên, liên tục xử lý kiểm tra, phân tích, cung cấp thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp để kịp thời đưa ra các quyết định đúng đắn.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò dụng cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh;

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

1.1.5. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ;

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.6. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng;

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

+ Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

+ Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính;

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán), khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

Kế toán tiền mặt cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia

quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ.

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)

....

- Phiếu thu: được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

- Phiếu chi: được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ để xác định nhiệm vụ vật chất của người nhận tiền.

Phiếu thu hoặc phiếu chi do kế toán lập từ 2 đến 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần hoặc in theo mẫu quy định), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị) một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền, thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu, giữ một liên để ghi sổ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

- Giấy đề nghị tạm ứng : là căn cứ để xét duyệt tạm ứng làm thủ tục nhập phiếu chi và xuất quỹ tạm ứng.

- Giấy thanh toán tạm ứng: là chứng từ liệt kê các khoản tiền đã nhận tạm ứng và các khoản đã chi của người nhận tạm ứng, làm căn cứ thanh toán số tiền tạm ứng và ghi sổ kế toán.

- Giấy đề nghị thanh toán: dùng trong các trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.

1.2.3. Tài khoản sử dụng, kết cấu tài khoản.

TK 111 - “Tiền mặt”: Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý của doanh nghiệp.

Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ, quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

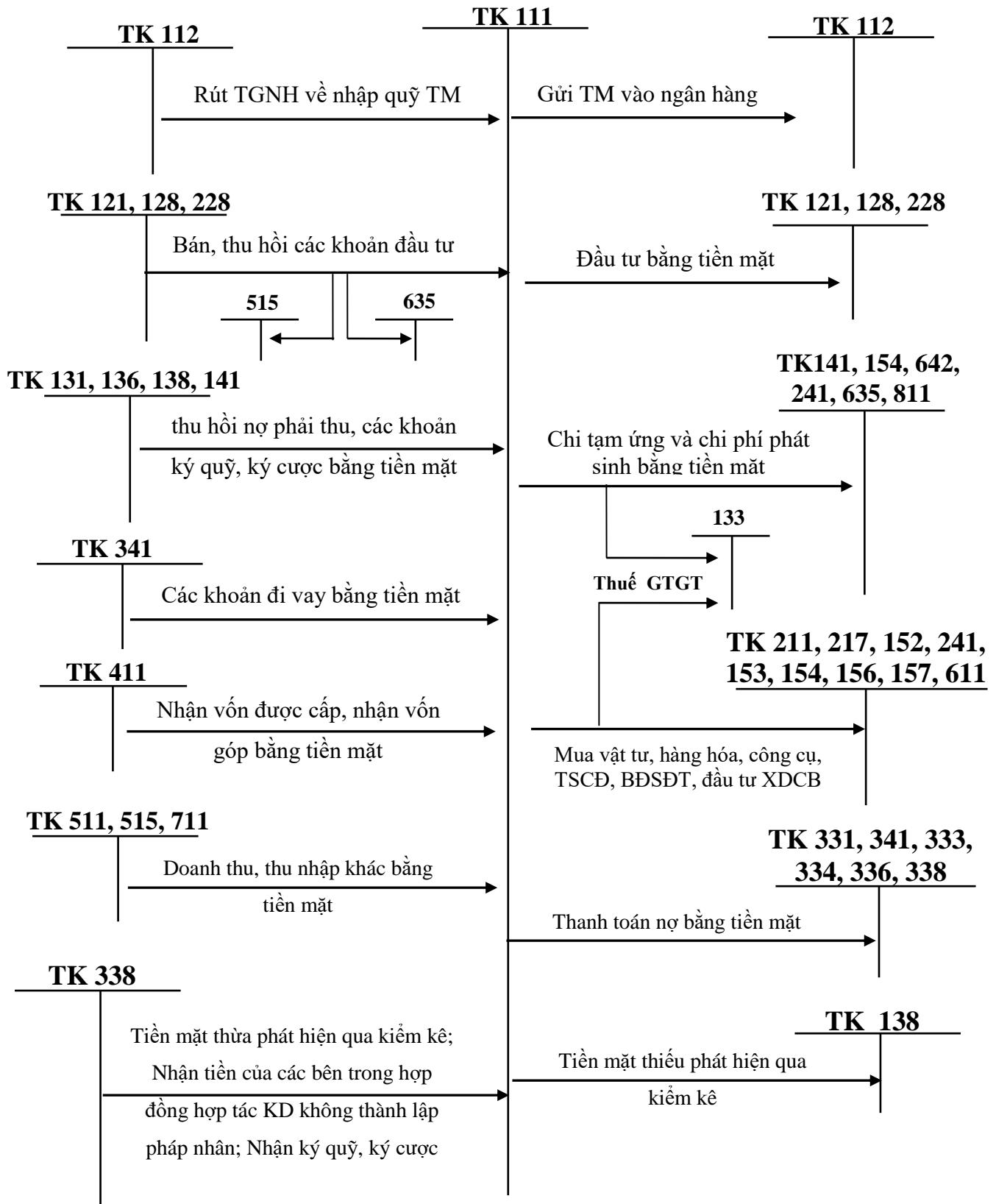
- TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất quỹ, tồn quỹ.

Nợ	111	Có
SDDK		
- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ. - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).		- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ. - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có
SDCK		

1.2.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ.**1.2.4.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam.**

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ).



1.2.4.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

TK 1112 – “Ngoại tệ”: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ, quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 635 và 515.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 635 và 515

* Cuối kỳ đánh giá lại giá trị ngoại tệ

Nợ	1112	Có
SDDK		
- Chênh lệch tỷ giá giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.		- Chênh lệch tỷ giá tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.
- Chênh lệch tỷ giá tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.		- Chênh lệch tỷ giá giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
- Xử lý chênh lệch tỷ giá.		- Xử lý chênh lệch tỷ giá.
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có
SDCK		

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

- Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.
- Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

* Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”.

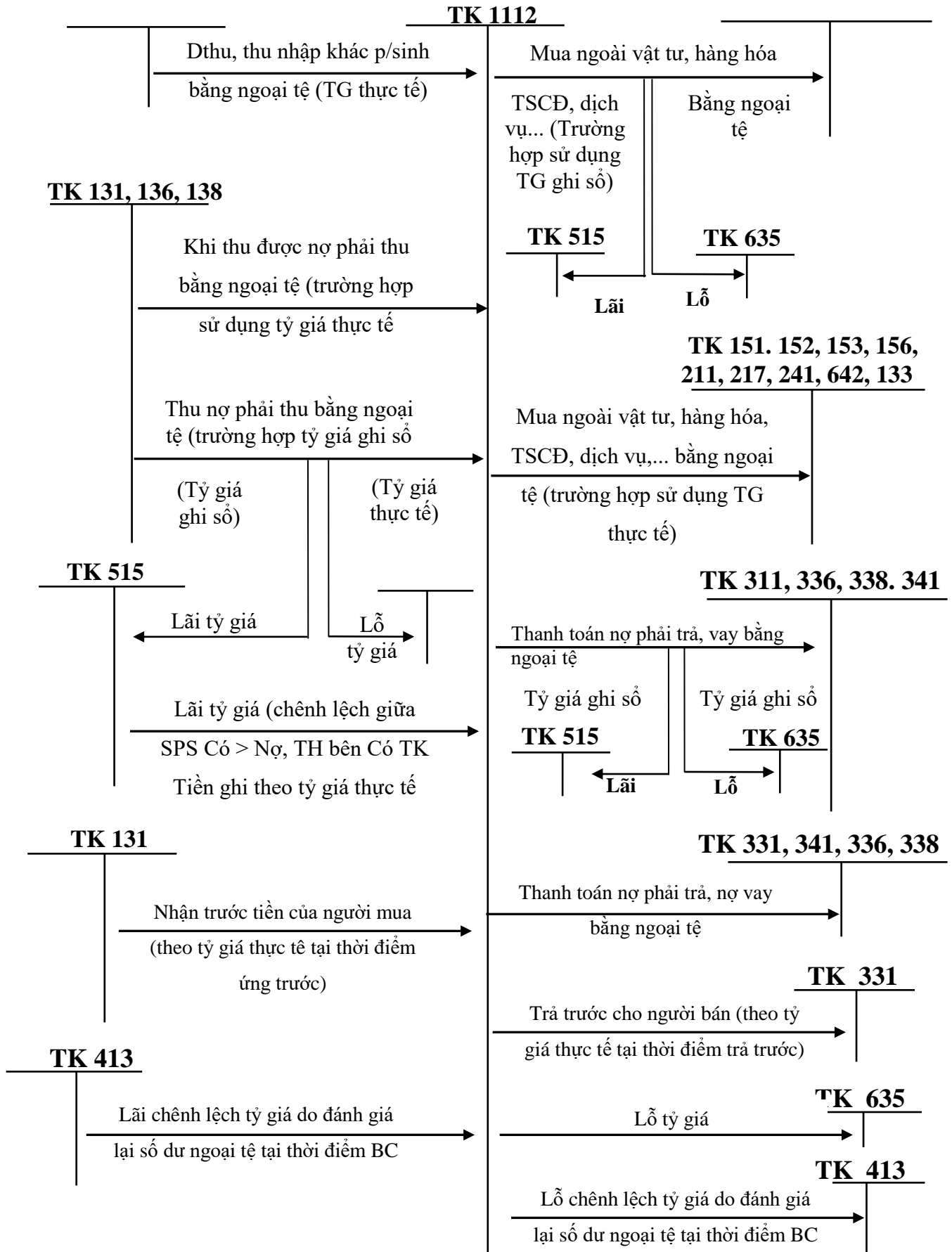
Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt

**TK 151, 152, 153, 156,
211, 217, 241, 642, 133**

TK 511, 711

(Ngoại tệ)



1.2.4.3. Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá như: phương pháp bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước hay thực tế đích danh.

1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi Ngân hàng.

Kế toán tiền gửi Ngân hàng cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản tài khoản Ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện

cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

+ Trường hợp rút tiền gửi từ Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”

1.3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi Ngân hàng.

- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyên khoản, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...)

Kế toán chịu trách nhiệm mở sổ chi tiết để theo dõi từng loại tiền gửi: Việt Nam đồng, ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và chi tiết theo từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

1.3.3. Tài khoản sử dụng.

TK 112 – “Tiền gửi Ngân hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

Tài khoản 112 - có 3 tài khoản cấp hai:

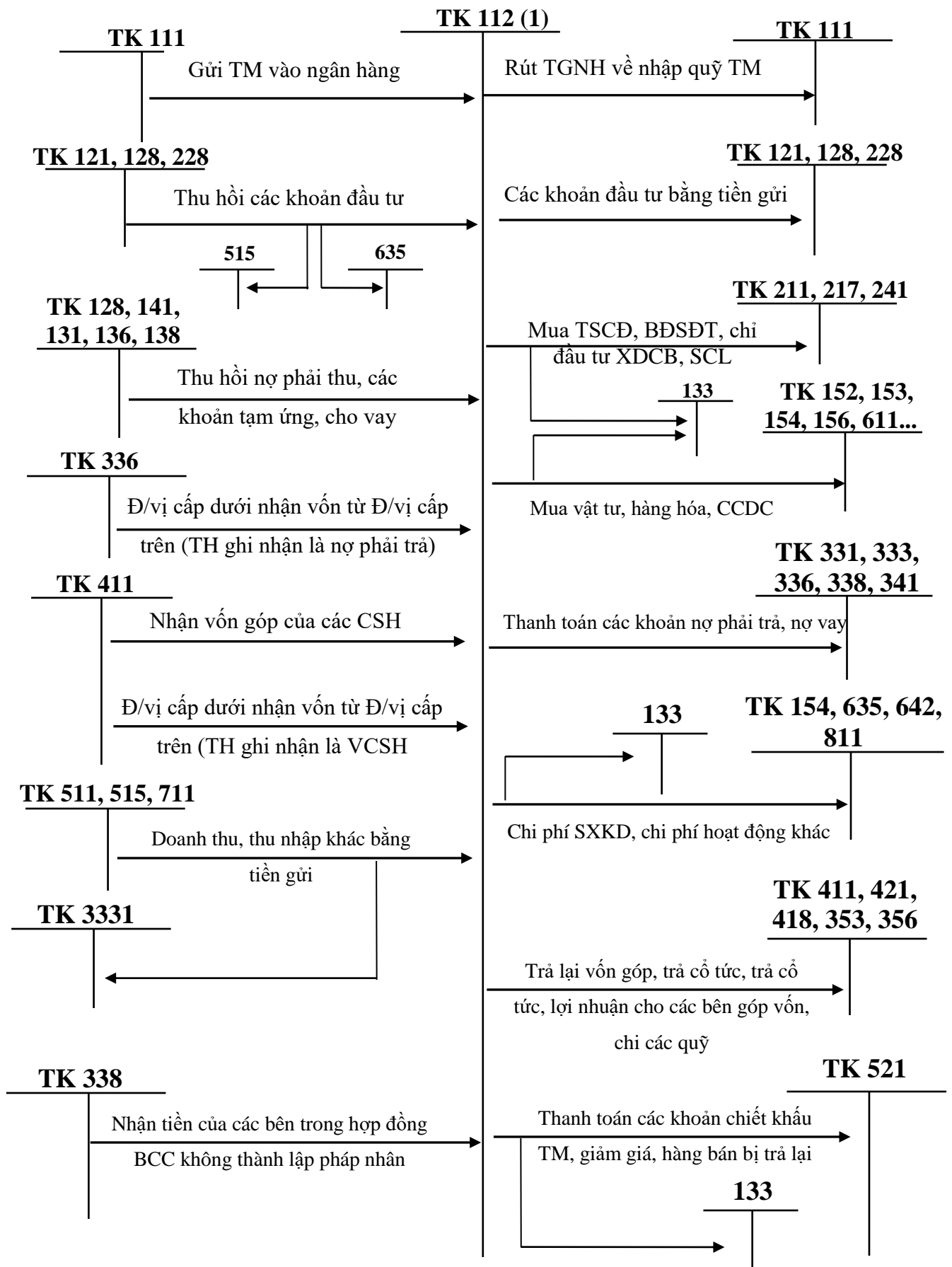
- TK 1121 - Tiền Việt Nam
- TK 1122 - Ngoại tệ
- TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112:

Nợ	112	Có
SDDK		
- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ - Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).		- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ - Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có
SDCK		

1.3.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng.**1.3.4.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam.**

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

1.3.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ.

Kế toán thực hiện trong tự phần kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

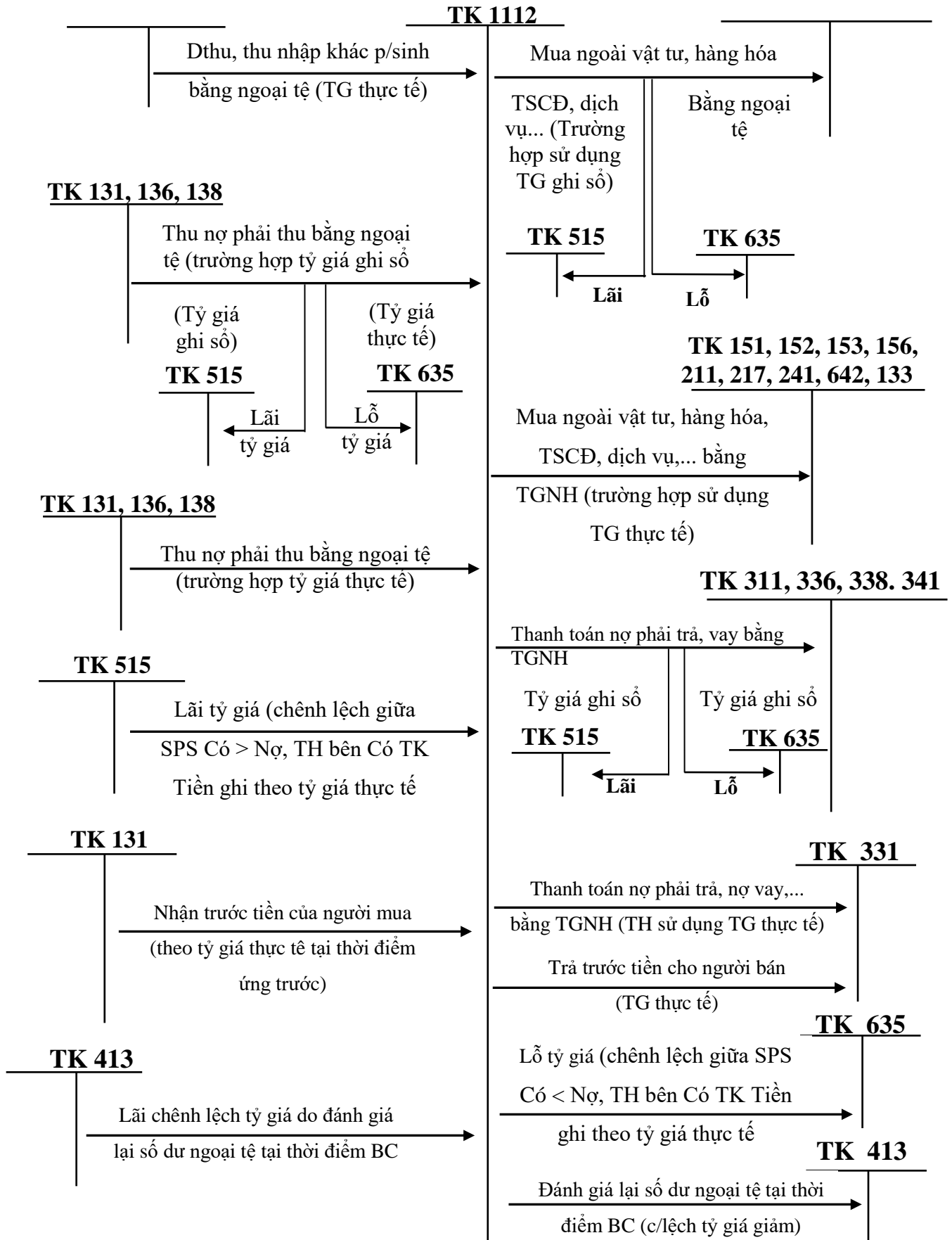
Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi ngân

TK 511, 711

hàng (Ngoại tệ)

**TK 151, 152, 153, 156,
211, 217, 241, 642, 133**



1.4. Kế toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc.

1.4.1. Chứng từ sử dụng.

- Giấy nộp tiền;
- Biên lai nộp tiền;
- Phiếu chuyển tiền;
- Một số chứng từ khác liên quan.

1.4.2. Tài khoản sử dụng.

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển”. Tài khoản 113 dùng để phản ánh tình hình và sự biến động tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Nội dung ghi chép của TK 113 như sau:

- * TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:
- TK 1131: Tiền Việt Nam.
- TK 1132: Ngoại tệ.

Nợ	113	Có
SDDK		
Các khoản tiền đang chuyển tăng trong kỳ.		Các khoản tiền đang chuyển giảm trong kỳ.
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có
SDCK		

1.4.3. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển.

Kế toán tiền đang chuyển cần lưu ý:

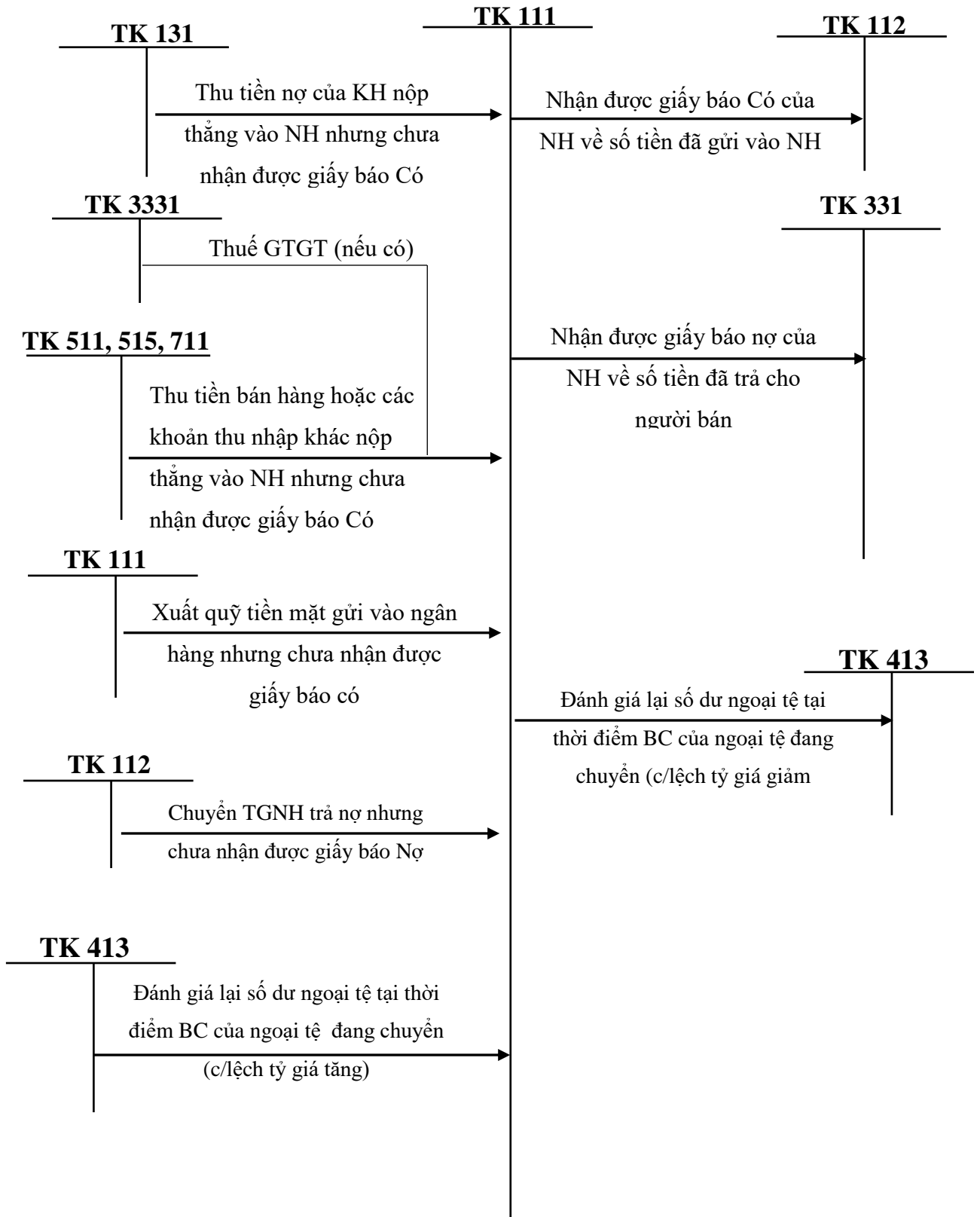
- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.

- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua Ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.

- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

1.4.4. Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển.

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển.

1.5. Sổ kế toán và các hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp

1.5.1. Sổ kế toán

- Về mặt lý thuyết: Sổ kế toán là biểu hiện vật chất của phương pháp tài khoản và ghi chép sổ là sự biểu hiện nguyên lý của phương pháp ghi sổ kép

- Về mặt ứng dụng: Sổ kế toán là phương tiện vật chất cần thiết để người làm kế toán ghi chép, phản ánh một cách có hệ thống các thông tin kế toán theo thời gian cũng như theo từng đối tượng.

1.5.2. Các hình thức sổ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

- Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

- Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

+ Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít

+ Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý;

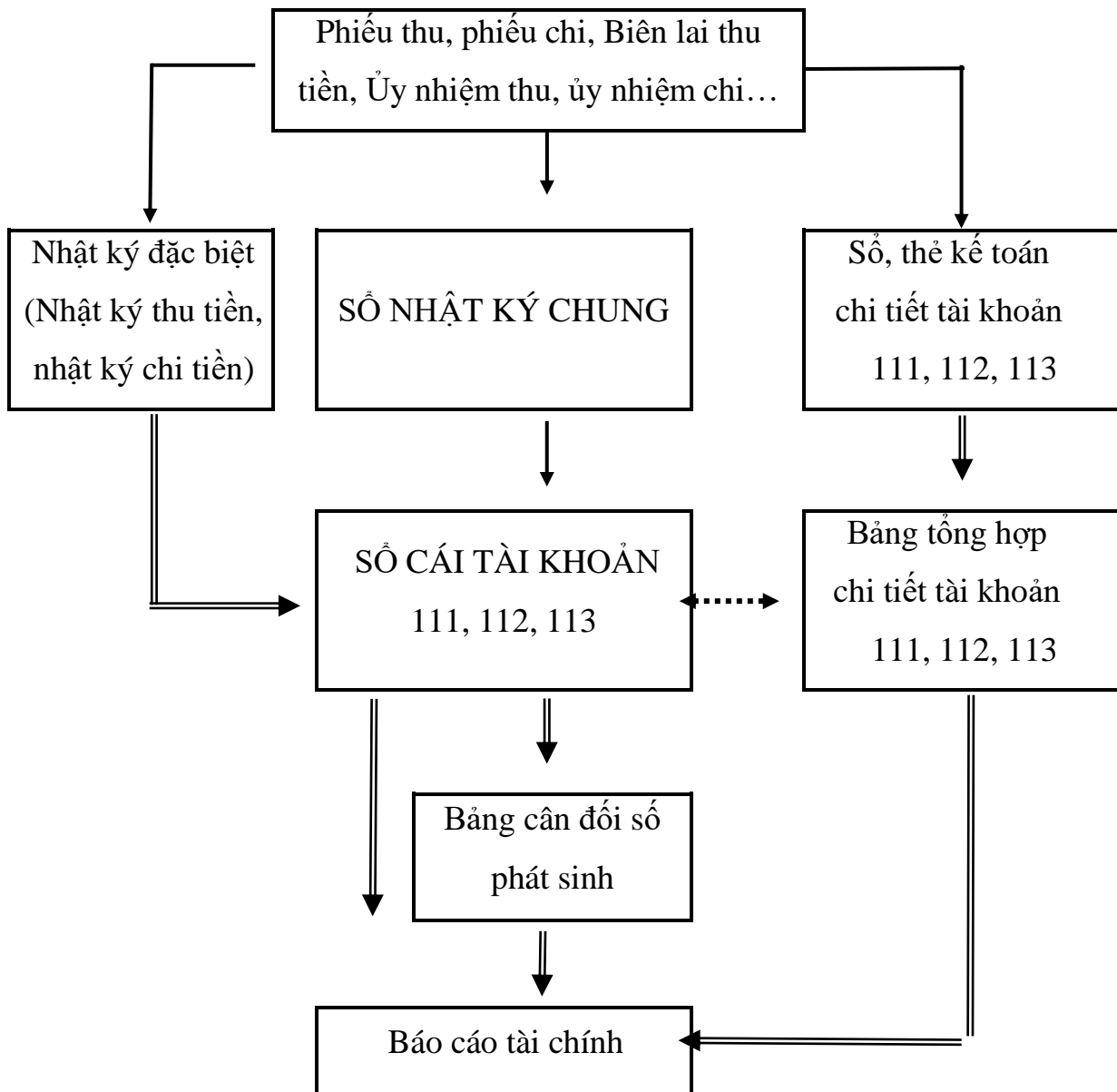
+ Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán;

+ Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

- Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán sau: Nhật ký chung, nhật ký - sổ cái, nhật ký chứng từ, chứng từ ghi sổ và kế toán máy.

1.5.2.1. Hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

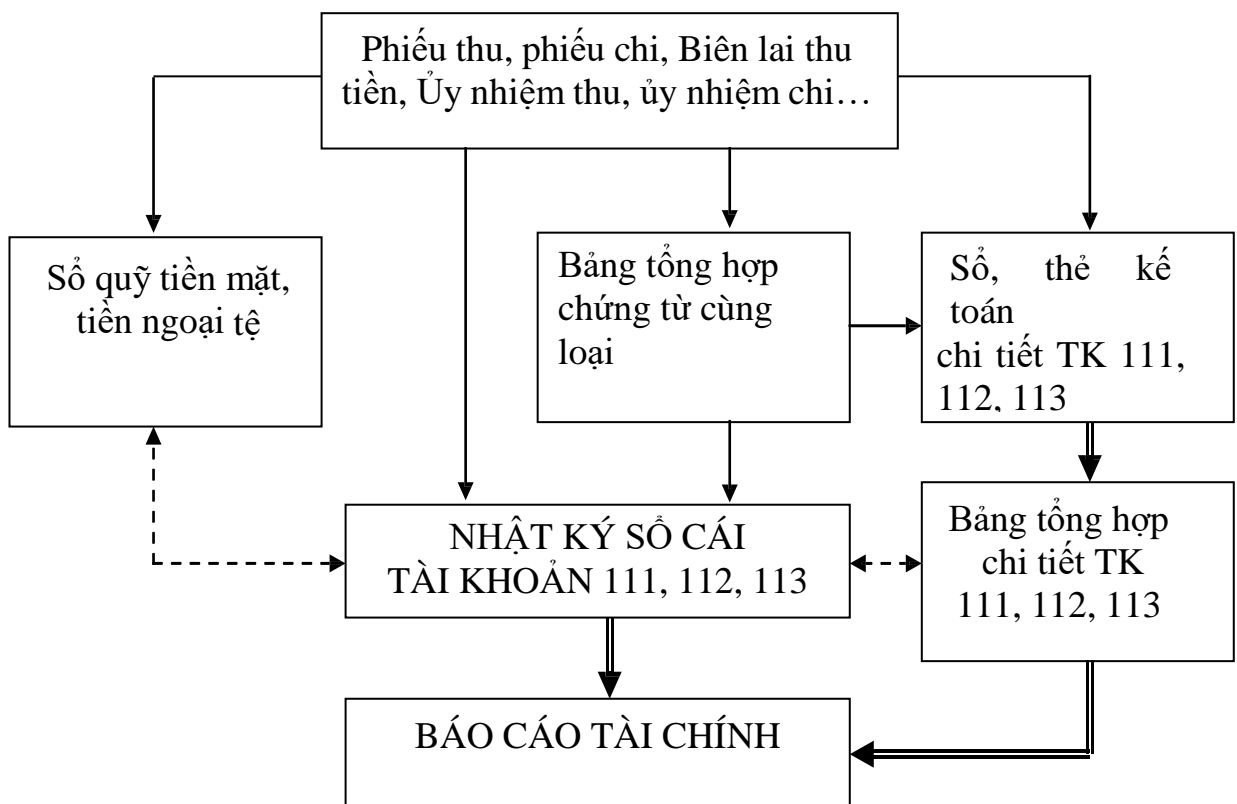
Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

1.5.2.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

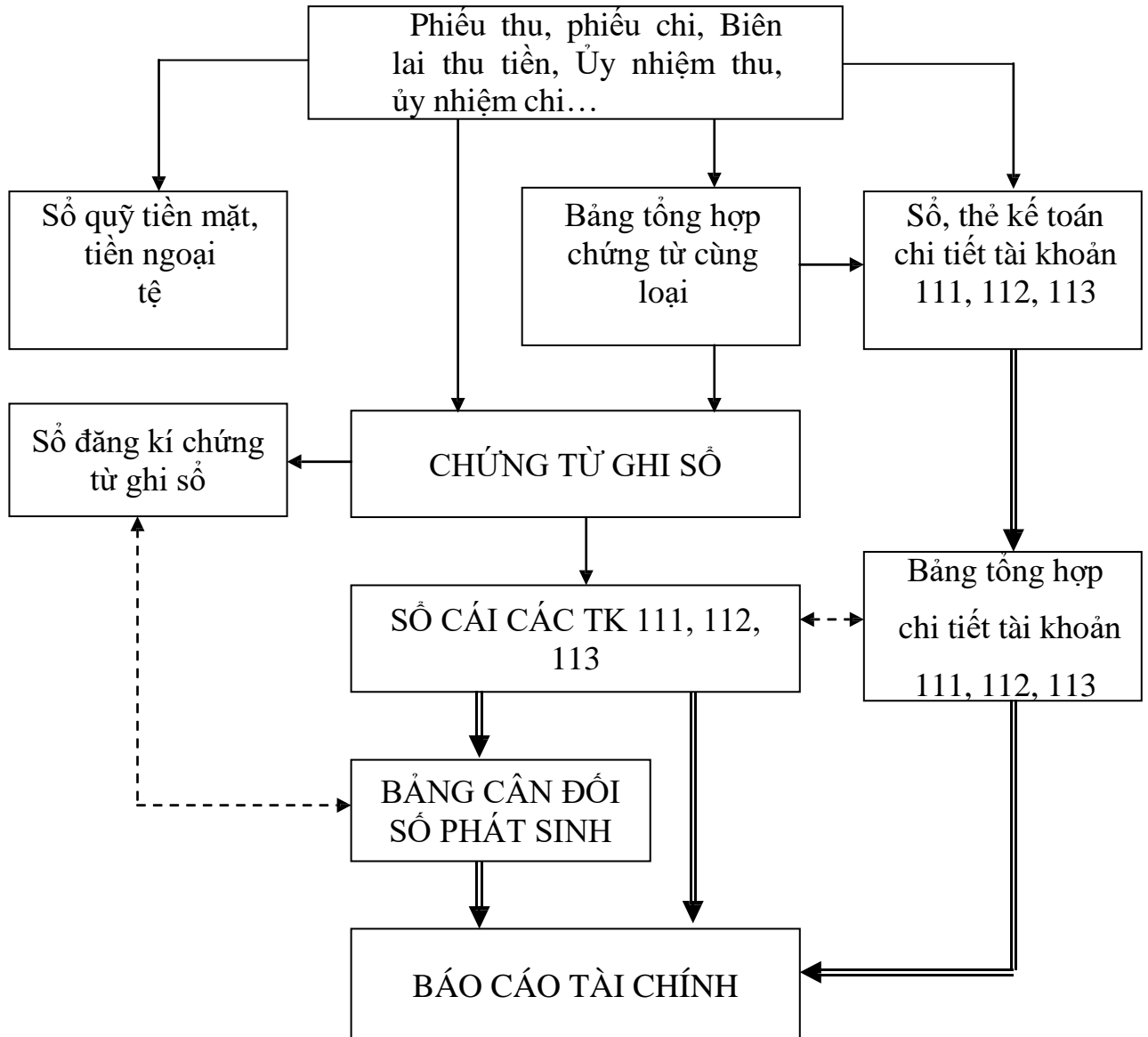
- > Ghi hàng ngày
- ←.....> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

1.5.2.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái;
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- ←.....> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

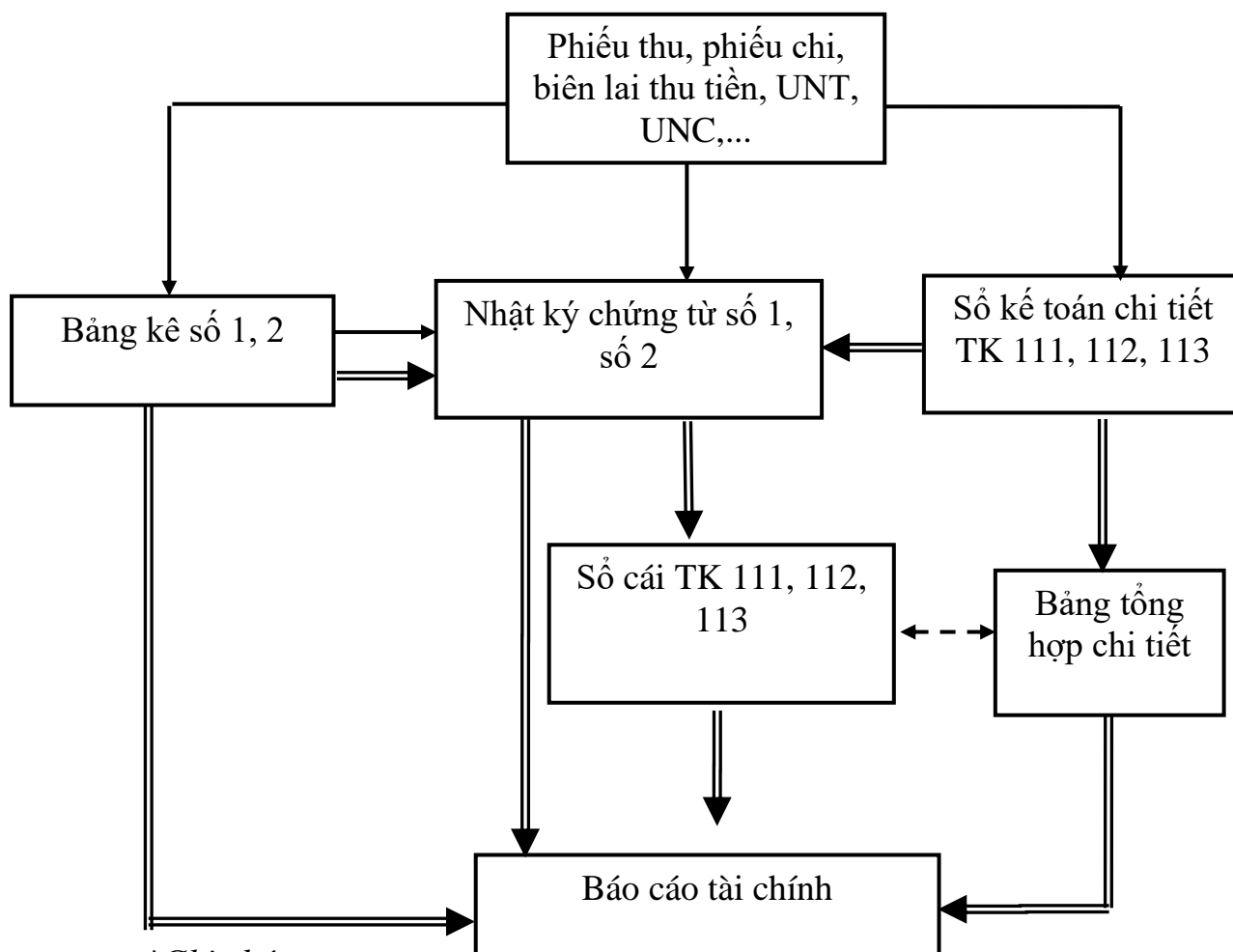
1.5.2.4. Hình thức Nhật ký chứng từ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



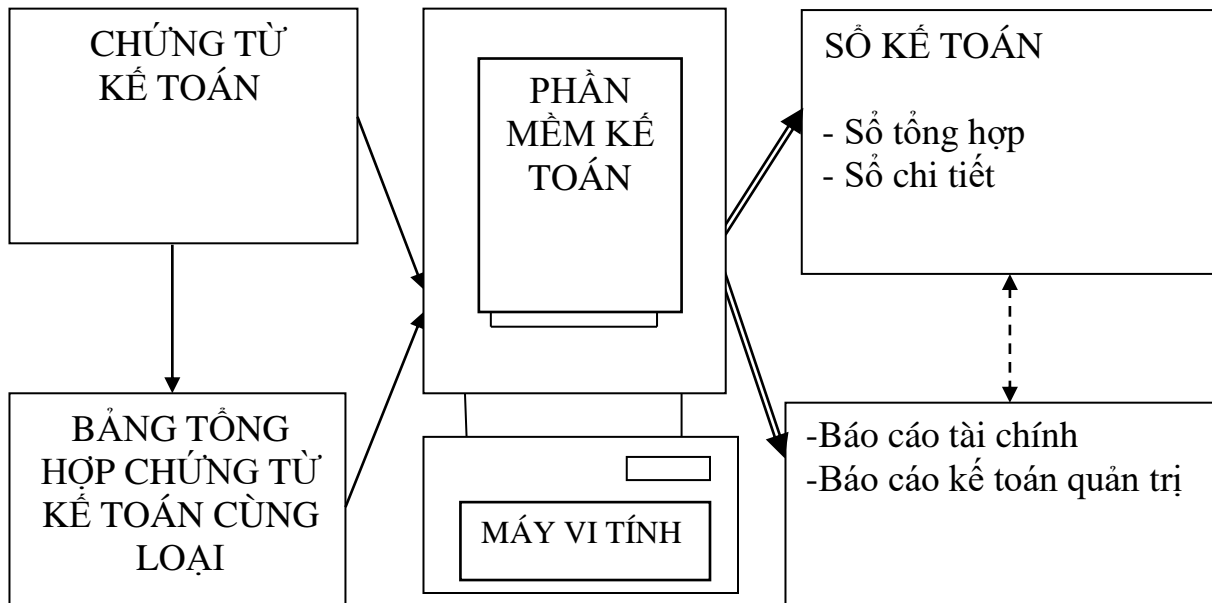
*Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

1.5.2.5. Hình thức Kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI****2.1. Khái quát chung về Công ty CP Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

Tên gọi đầy đủ	: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải
Tên giao dịch quốc tế	: Cat Hai Joint-Stock Aquatic Processing And Service Company
Địa chỉ	: Thị trấn Cát Hải-Huyện Cát Hải-thành phố Hải Phòng
Số ĐKKD	: 0203000088 cấp ngày 24/07/2001
Vốn điều lệ	: 9.300.000.000 VNĐ
Số ĐT	: 0313886258
Fax	: 0313886396

Xí nghiệp nước mắm Cát Hải nay là công ty cổ phần dịch vụ và chế biến thủy sản Cát Hải được thành lập 23-10-1959. Ra đời trong cuộc cải tạo XHCN, đối với các thành phần kinh tế tư nhân, ngót nửa thế kỷ công ty đã vượt qua bao khó khăn, thử thách để không ngừng vươn lên và trưởng thành.

Những thế hệ cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức nối tiếp nhau không chỉ kế thừa truyền thống sản xuất loại sản phẩm tiêu dùng đặc biệt mà còn không ngừng nâng cao chất lượng và mở rộng thị trường.

Mắm Cát Hải với hương vị rất riêng, được chắt lọc từ nguồn nguyên liệu biển và kết tinh trí tuệ, sức lực của những người công nhân. Công việc tưởng đơn giản nhưng đầy lam lũ, lo toan, thậm chí có lúc đổ cả máu để chắt chiu nên giọt mắm.

Từ một đơn vị công ty hợp danh, trải qua những năm tháng xây dựng XHCN, những năm tháng chiến tranh ác liệt, những thử thách ngặt nghèo của lịch sử, đã lớn mạnh thành một công ty vững vàng trong cơ chế thị trường. Các

mặt sản xuất, kinh doanh ngày càng phát triển và đời sống người lao động được cải thiện nhiều.

Từ giữa năm 1959 tới hết năm 1960 công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh diễn ra rất sôi nổi. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Cát Hải tổ chức học tập, giáo dục chính trị và đường lối cải tạo XHCN của Đảng đối với các nhà tư bản, tiểu chủ sản xuất nước mắm, vận động họ góp vốn, công sức vào sản xuất tập thể. Xí nghiệp công tư hợp danh nước mắm Cát Hải ra đời từ đó. Ngày 23-10-1959 Uỷ ban hành chính Thành phố Hải Phòng ra quyết định số 357/QĐ-UB thành lập xí nghiệp công tư hợp danh nước mắm Cát Hải.

Cuối năm 1995, UBND Thành phố đã chấp nhận đề nghị của Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp thành phố, Giám đốc sở thuỷ sản Hải Phòng ra quyết định số 1835/QĐ- Đổi mới Doanh nghiệp ngày 7-11-1995 đổi tên xí nghiệp thành Công ty chế biến thuỷ sản Cát Hải.

Ngày 11-7-2001 UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định số 1477/QĐ-UB thành lập Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thuỷ sản Cát Hải.

*** *Khó khăn của Công ty:***

Nguyên liệu để sản xuất ngày càng khan hiếm, giá cả đầu vào tăng, quá trình cạnh tranh trên thị trường ngày càng phức tạp hơn, nạn hàng giả, hàng nhái mẫu mã, nhãn mác, sản phẩm của công ty làm ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất kinh doanh của công ty.

*** *Thuận lợi của Công ty:***

Sau gần 10 năm cổ phần hoá doanh nghiệp (2001-2011) Công ty liên tục phát triển tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, các lợi thế về uy tín sản phẩm, thương hiệu của Doanh nghiệp được giữ vững.

Công ty là đơn vị thi đua xuất sắc liên tục của thành phố nhiều năm, được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện uỷ Cát Hải, Sở thuỷ sản Hải Phòng, tập thể cán bộ CNLĐ, công ty có truyền thống đoàn kết năng động sáng tạo, phát huy nội lực, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Thành tích của Công ty:**

Trải qua hơn 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành công ty đã được Đảng, nhà nước tặng thưởng:

- Hai huân chương lao động hạng Nhất năm 1986, 1991;
- 1 huân chương lao động hạng Nhì năm 1982;
- 1 huân chương lao động hạng Ba năm 1962;
- 2 huân chương chiến công hạng Ba năm 1966, 1996;
- 10 năm được tặng cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ (1998-2007);
- 19/05/2000 được nhà nước phong tặng danh hiệu đơn vị “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”;
- 1/10/2004 được Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương độc lập hạng ba”;
- 4 năm là một trong 10 doanh nghiệp tiêu biểu nhất của thành phố Hải Phòng(2005-2008);
- 2005 đạt giải chất lượng Việt Nam.

Được Thủ tướng chính phủ, viện thi đua khen thưởng Nhà nước, Bộ thủy sản, Bộ công an, Bộ chỉ huy quân sự thành phố, Bộ lao động và thương binh XH, UBND Thành phố, Liên đoàn lao động Thành phố tặng nhiều cờ thi đua xuất sắc, bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, an ninh quốc phòng và thực hiện tốt các chính sách XH.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty*** Chức năng nhiệm vụ của công ty:**

Nhiệm vụ chính của công ty là sản xuất, kinh doanh mặt hàng nước mắm các loại và làm dịch vụ thủy sản. Hiện nay công ty đang hoạt động và chuyên sản xuất tương đối đa dạng hàng hoá sau:

TT	Loại sản phẩm	Số công bố	Số tiêu chuẩn	Số chứng nhận sản phẩm
1	Nước mắm Đặc Biệt	01/CH	TCVN5107- 2003	301/2006/YTHP-CNTC

2	Nước mắm Thượng Hạng	02/CH	TCVN5107-2003	301/2006/YTHP-CNTC
3	Nước mắm Hạng 1	03/CH	TCVN5107-2003	299/2006/YTHP-CNTC
4	Nước mắm Hạng 2	04/CH	TCVN5107-2003	305/2006/YTHP-CNTC
5	Nước mắm Vị Hương	01	01/2006(TCCS)	296/2006/YTHP-CNTC
6	Nước mắm Cao Đạm	02	02/2006(TCCS)	303/2006/YTHP-CNTC
7	Nước mắm Cốt cá nhâm	03	03/2006(TCCS)	302/2006/YTHP-CNTC
8	Nước mắm Cá Quắn	02	05/2006(TCCS)	306/2006/YTHP-CNTC
9	Nước Mắm Cá Mực	06	06/2006(TCCS)	310/2006/YTHP-CNTC
10	Nước Mắm Hạng 1B	07	07/2006(TCCS)	304/2006/YTHP-CNTC
11	Cốt Mắm Tụm	08	08/2006(TCCS)	307/2006/YTHP-CNTC
12	Nước mắm loại 22 đậm	09	08/2006(TCCS)	308/2006/YTHP-CNTC
13	Nước mắm loại 18 đậm	10	10/2006(TCCS)	309/2006/YTHP-CNTC
14	Mắm tụm Cốt Hải	11	01/2006(TCCS)	295/2006/YTHP-CNTC
15	Nước mắm Hạng 1B - Bổ sung Sắt	04	04/2006/CH	6130/2006/YT-CNTC
16	Nước mắm Thượng hạng - Bổ sung sắt	12	14/2006/CH	624/2007/YT-CNTC
17	Bột canh thường	01	01/2004/BC	530/2004/BCTC-YTHP
18	Bột canh Iốt	02	02/2005/CH	602/2005/BCTC-YTHP

Là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân thực hiện hoạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh trong phạm vi số vốn do công ty quản lý kinh doanh, trong phạm vi ngành nghề được cho phép.

Thực hiện đầy đủ theo luật pháp đối với tất cả các nhân viên như: trả lương, trả thưởng, quỹ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... xử lý lao động, bảo đảm an toàn lao động, an toàn tài sản vật tư, bảo đảm hiệu quả cao trong kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp thuế, nộp lệ phí...

Đáp ứng đầy đủ, chu đáo các yêu cầu của khách hàng, bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm, giữ được nét cổ truyền đảm bảo đúng thời gian phân huỷ của nguyên liệu mới đưa vào sản xuất luôn giữ được “Hương thơm vị đượm, giàu dinh dưỡng” mà đã lưu truyền qua các thế hệ mà chưa có sản phẩm nào của các đối thủ cạnh tranh đạt được bí quyết này.

Luôn luôn xây dựng uy tín, tạo dựng lòng tin trong tâm trí khách hàng, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng phục vụ để phục vụ nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.

*** Đặc điểm sản xuất kinh doanh:**

Là một Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đã có thương hiệu trên thị trường Công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải luôn nhận được những đơn hàng lớn vì vậy có thể nói loại hình sản xuất của Công ty sản xuất hàng loạt và liên tục những sản phẩm đã được thị trường chấp nhận.

Sản phẩm của Công ty được sản xuất chủ yếu từ 2 phân xưởng sản xuất chính đó là :

- Phân xưởng 1 được đặt tại Tiểu khu Hòa Hy thuộc thị trấn Cát Hải có nhiệm vụ chính là tiếp nhận nguyên vật liệu đầu vào.

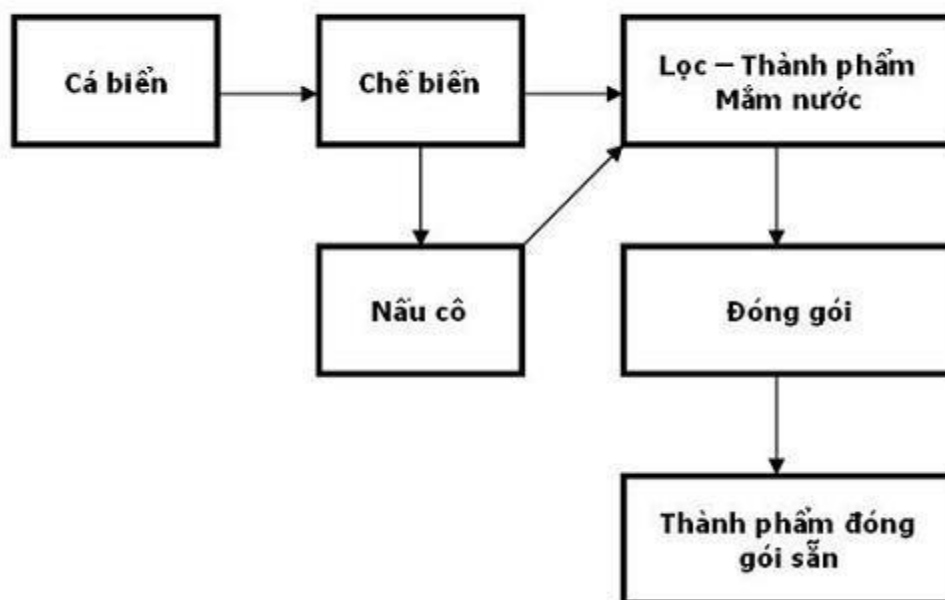
- Phân xưởng 2 được đặt tại Tiểu khu Lương Năng thuộc thị trấn Cát Hải có nhiệm vụ chế biến, bảo quản những sản phẩm mà Công ty đã sản xuất ra.

- Ngoài 2 phân xưởng sản xuất chính trên Công ty còn bố trí 2 xưởng sản xuất phụ có nhiệm vụ đóng gói sản phẩm mắm nước thành mắm chai thành

phẩm. Để đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng Công ty còn tổ chức đội ngũ cung cấp và vận chuyển sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng.

* *Quy trình công nghệ:*

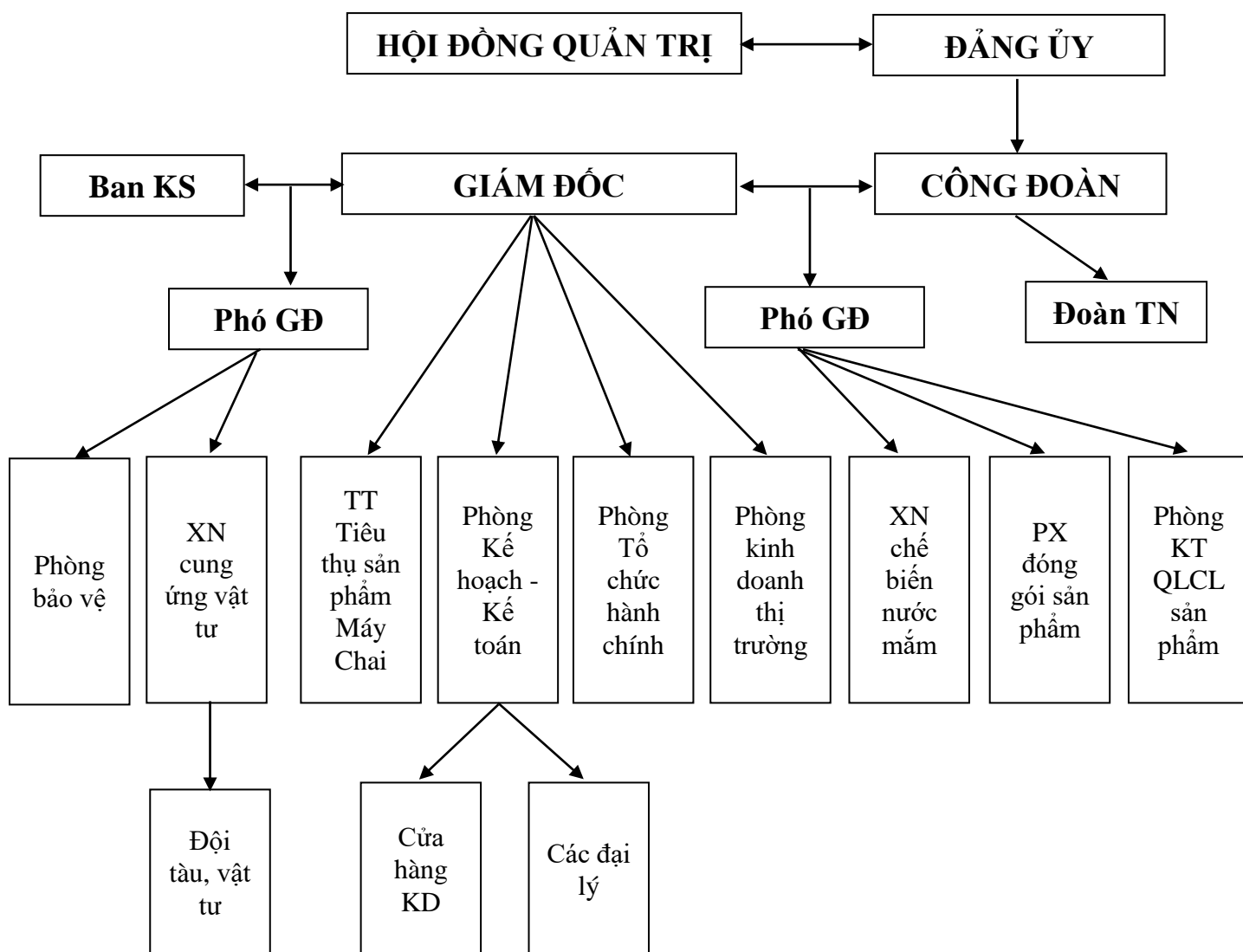
QUY TRÌNH SẢN XUẤT NƯỚC MẮM CÁ HẢI



Công ty sản xuất sản phẩm theo quy trình công nghệ cổ truyền phơi khô đánh quậy. Từ khi sản xuất, nguyên vật liệu (cá, muối) đưa vào chế biến chượp, đủ thời gian phân huỷ từ chượp đưa vào lọc, nấu cơ tạo ra sản phẩm (nước mắm). Nước mắm được đóng chai, dán mác và đưa vào tiêu thụ.

Đây là một quá trình khép kín liên hoàn không thể chia nhỏ về mặt không gian, thời gian.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

* Chức năng và nhiệm vụ cụ thể:

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty. Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp lý trước pháp luật của công ty. Tổ chức lãnh đạo chung như định hướng và kiểm soát toàn công ty.

Ban Giám đốc công ty: Gồm 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc. Giám đốc: là người điều hành mọi hoạt động của công ty. Phó giám đốc 1: Phụ trách thu mua. Phó giám đốc 2: Phụ trách tiêu thụ. Chức năng, nhiệm vụ của Phó giám đốc là tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty, HĐQT, trực tiếp chỉ đạo tới các bộ phận sản xuất của công ty.

Phòng kế hoạch kế toán: Chịu trách nhiệm về mặt tài chính kế toán và lập kế hoạch cho các sản phẩm của công ty. Tổ chức quản lý các nguồn vốn, xác định số tài sản vật tư, tiền vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạch toán kế toán đúng chế độ, đúng pháp luật, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và hiệu quả. Qua đó phân tích đánh giá xác định kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó cùng các phòng ban chức năng khác lên kế hoạch tăng trưởng và phát triển đưa công ty đi lên. Quyết toán các khoản tiền lương, BHXH đúng hạn cho CBCNV toàn công ty. Lưu giữ hồ sơ, các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty, tính toán và trích lập đủ đúng hạn các khoản phải nộp NSNN, các quỹ để lại, cấp trên.

Phòng tổ chức hành chính: Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý cán bộ, tuyển dụng, đào tạo nhân viên trong toàn công ty. Chịu trách nhiệm phân tích, đánh giá, thiết lập các mục tiêu chất lượng từng thời kỳ của phòng tổ chức hành chính phù hợp với mục tiêu chung và định hướng phát triển của công ty. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo theo yêu cầu của công ty. Quản lý trụ sở làm việc, đất đai, tài sản, các thiết bị văn phòng của công ty. Quản lý và điều động đội xe của công ty.

Phòng kinh doanh thị trường: Có chức năng khảo sát thị trường để lên kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, có định hướng bán hàng cho từng khu vực, đại lý của công ty.

Phòng kỹ thuật QLCL sản phẩm: Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát các công đoạn của quy trình công nghệ. Quản lý các loại thiết bị trong sản xuất, lập kế hoạch bảo trì sửa chữa toàn bộ, lập hồ sơ theo dõi thiết bị và tình trạng của thiết bị để đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định. Thiết kế sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến công tác sáng kiến sáng tạo hợp lý hoá sản xuất. Xây dựng và tổ chức ban hành quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm. Trực tiếp quản lý các thiết bị giám sát kiểm tra và đo lường.

Xí nghiệp chế biến nước mắm: nơi sản xuất ra các loại mắm (mắm cao đậm, mắm chắt, mắm cốt, . . .)

Phân xưởng đóng gói sản phẩm: có nhiệm vụ đóng gói sản phẩm.

Cửa hàng kinh doanh, đại lý: Là nơi phân phối sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu sản phẩm mắ của công ty, giới thiệu sản phẩm mới của công ty ra với người tiêu dùng.

Đội tàu vật tư: chịu trách nhiệm thu mua và vận chuyển nguyên vật liệu, chuyên chở nước mắ đến với các đại lý, trung tâm tiêu thụ sản phẩm.

Xí nghiệp cung ứng vật tư: chịu trách nhiệm mua vật tư (nguyên liệu sản xuất, vật tư đóng gói sản phẩm)

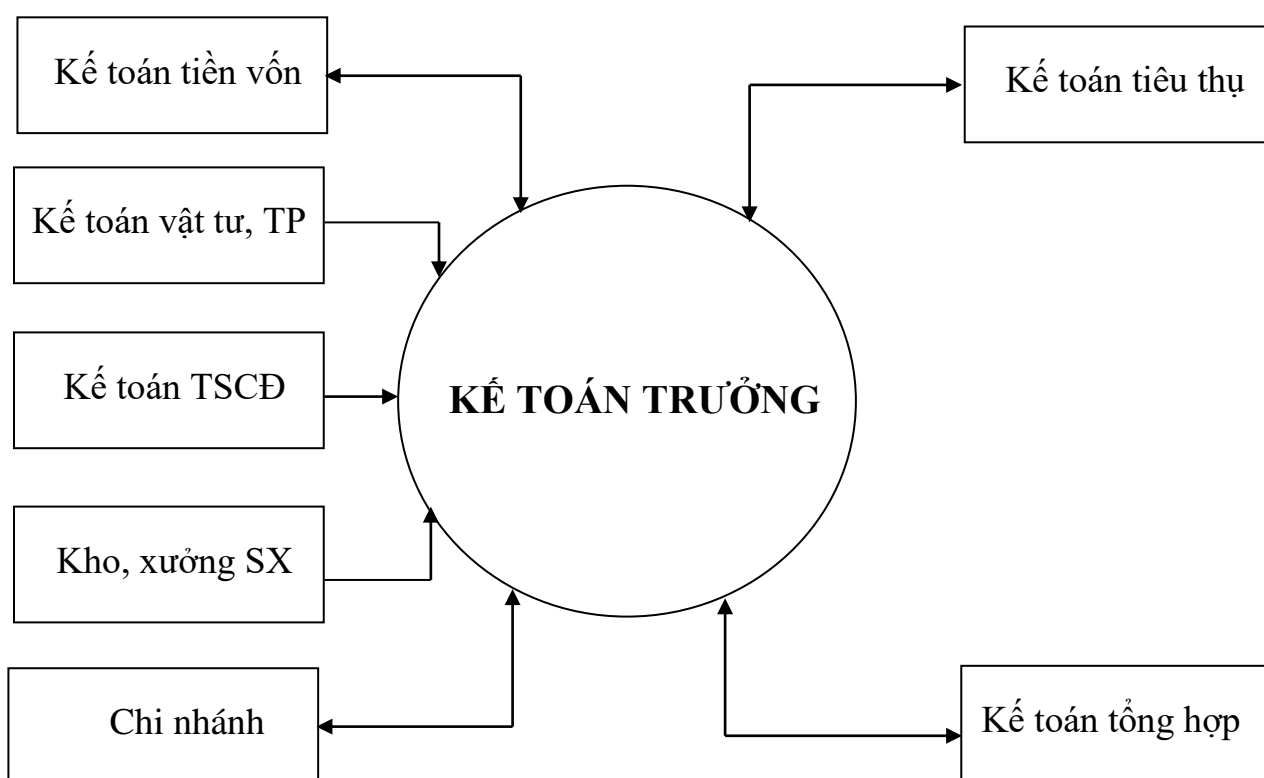
Trung tâm tiêu thụ sản phẩm Máy Chai: là nơi tiêu thụ sản phẩm chính của công ty ở Hải Phòng, kinh doanh dịch vụ, tư vấn hỗ trợ khách hàng về sản phẩm của công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

2.1.4.1 Bộ máy kế toán tại Công ty

Ở Công ty thì có một phòng đảm nhận lập kế hoạch và hạch toán kế toán gọi là Phòng Kế Hoạch - Kế Toán. Trong phòng, kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên có trách nhiệm hạch toán chi tiết và báo cáo cho trưởng phòng. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Kế toán trưởng (trưởng phòng kế hoạch): điều hành hoạt động của Phòng kế hoạch - kế toán. Chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức bộ máy của phòng phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Quản lý tất cả các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán, hợp đồng xây dựng mới, hợp đồng sửa chữa...theo kế hoạch sản xuất xây dựng của công ty. Kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, giá thành sản phẩm. Kiểm tra các chứng từ và báo cáo kế toán của nhân viên trong phòng phát sinh hàng ngày. Phụ trách theo dõi công nợ tiền hàng, phụ trách kế toán tổng hợp, phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để báo cáo kịp thời cho lãnh đạo công ty theo định kỳ hoặc đột xuất. Theo dõi kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm.

Kế toán tiền vốn: Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các phân hành kế toán, hàng hoá, quỹ tiền mặt, các khoản phải thu phải trả, TSCĐ. Chịu trách nhiệm cập nhật theo dõi và quản lý số liệu hàng hoá xuất nhập tồn dựa trên các số liệu của các bộ phận, phòng ban trong công ty cung cấp, theo dõi và quản lý công nợ đầu vào của các nhà cung cấp dựa trên tờ khai, hoá đơn thuế GTGT đầu vào và phiếu xuất kho. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ làm phiếu chi tiền mặt. Chịu trách nhiệm theo dõi TK 111, 112, 211, 331, chịu trách nhiệm theo dõi TSCĐ của công ty.

Kế toán vật tư, thành phẩm: Chịu trách nhiệm cập nhật, theo dõi và quản lý xuất nhập tồn kho nguyên liệu, bán thành phẩm và CCDC dựa trên các chứng từ, số liệu của các phòng ban, bộ phận trong công ty. Chịu trách nhiệm theo dõi và lập bảng phân bổ CCDC dài hạn với những dụng cụ có giá trị lớn. Cập nhật các khoản chi phí phát sinh liên quan đến sản xuất sản phẩm hàng tháng theo số liệu thông báo của kế toán thanh toán. Theo dõi tập hợp các chi phí phát sinh về vật tư bao bì đóng gói sản phẩm và chi phí xây dựng, sửa chữa TSCĐ. Chịu trách nhiệm theo dõi tài khoản 152, 153, 1422, 241.

Kế toán TSCĐ: chịu trách nhiệm theo dõi và đánh giá sự biến động của TS tại công ty và tính toán giá trị còn lại của TSCĐ đến thời điểm nào đó do yêu cầu của HĐQT, Giám đốc.

Kế toán kho, xưởng sản xuất: trực thuộc phòng sản xuất.

Chi nhánh: trực thuộc phòng sản xuất.

Kế toán tiêu thụ: Lập các hoá đơn bán hàng cuối ngày, cập nhật các số liệu khách hàng chuyển về công ty. Tổng hợp các chứng từ thanh toán của khối tiêu thụ khu vực Hải Phòng, Hà Nội. Theo dõi công nợ của trạm tiêu thụ khu vực Máy Chai. Chịu trách nhiệm kiểm kê kho sản phẩm khu vực Hải Phòng hàng tháng. Mua hoá đơn và nộp các báo cáo cho các cơ quan chức năng.

Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm phụ trách tập hợp tất cả số liệu của các phần hành khác nhau để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho trưởng phòng KH - KT hay HĐQT, GD.

2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng
 - + Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Qui đổi thống nhất về Việt Nam đồng
 - + Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ
- Ghi nhận và khấu hao TSCĐ
 - + Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Theo nguyên giá
 - + Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao theo đường thẳng
- Kế toán thuê theo phương pháp khấu trừ.
- Chế độ đối với HTK
 - + Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Đánh giá theo giá trị thực tế
 - + Phương pháp tính giá xuất kho là: Thực tế đích danh
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

2.1.4.3. Hình thức sổ kế toán

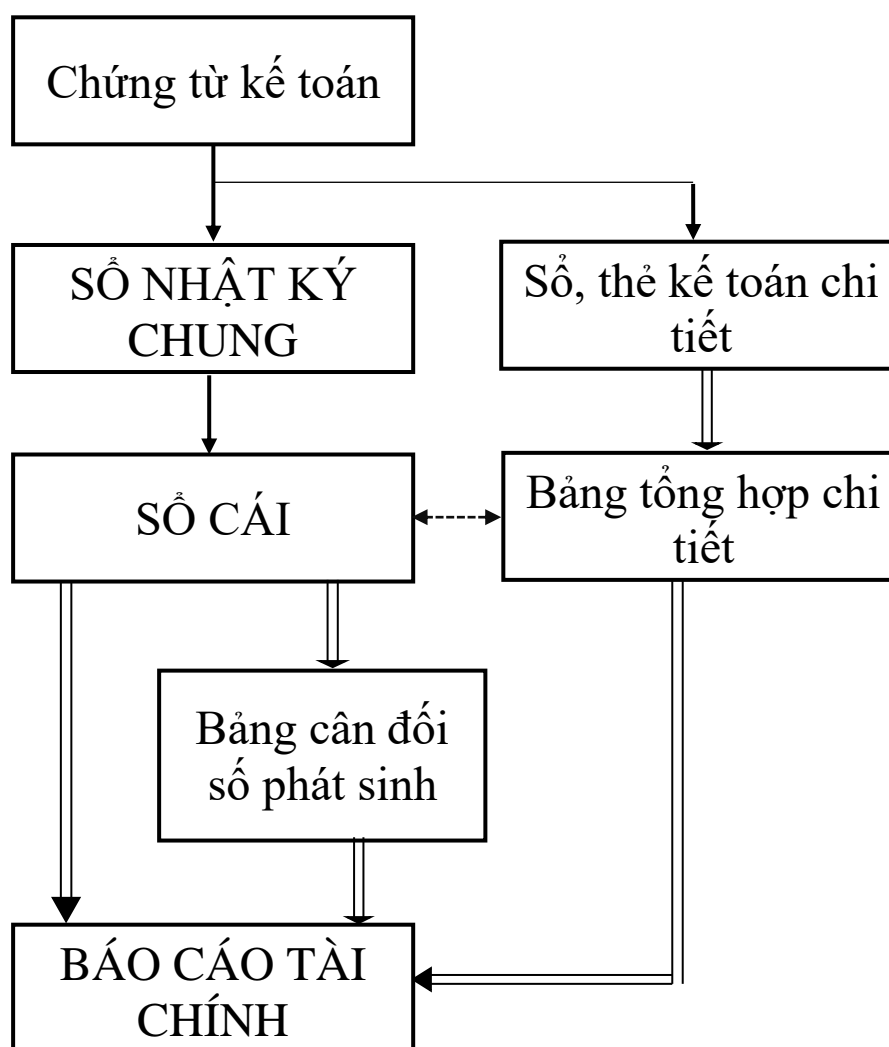
Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định, căn cứ vào hệ thống

tài khoản kế toán và các chế độ kế toán của Nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty áp dụng hình thức kế toán "Nhật ký chung", hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ chi tiết TK
- + Sổ cái các TK
- + Bảng tổng hợp chi tiết TK

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung được lập theo sơ đồ 2.3

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp, tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất.

Tại Công ty Cổ phần chế biến DVTS Cát Hải, kế toán vốn bằng tiền được sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam.

Công ty không sử dụng tiền đang chuyển mà chỉ sử dụng 2 loại vốn bằng tiền bao gồm : tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

- Tiền gửi ngân hàng : Để tiện cho việc hạch toán và theo dõi chi tiết tiền gửi Ngân hàng, công ty sử dụng hai tài khoản chi tiết sau :

+ TK 1121- Tiền gửi ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu

+ TK 1121- Tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại Công ty

Tiền mặt phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại công ty. Thủ quỹ mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mỗi thời điểm.

2.2.1.1. Tài khoản sử dụng

Sử dụng tài khoản 111 (TK chi tiết là TK 1111)

2.2.1.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng

* Trong quá trình hạch toán kế toán bằng tiền công ty sử dụng các chứng từ sau :

- Giấy đề nghị tạm ứng;
- Biên bản kiểm kê quỹ;
- Phiếu thu, phiếu chi: Căn cứ vào các chứng từ liên quan (hóa đơn GTGT, đơn xin rút tiền, giấy đề nghị thanh toán...), kế toán lập phiếu thu, phiếu chi. Các phiếu này ghi đầy đủ nội dung và được đính kèm với các chứng từ trên và được chuyển cho giám đốc, trưởng phòng kế toán để ký duyệt. Cuối cùng chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập, xuất quỹ.

Phiếu thu gồm 3 liên:

- + Liên 1: Lưu lại phòng kế toán
- + Liên 2: Giao cho người nộp
- + Liên 3: Giao cho thủ quỹ

Phiếu chi gồm 3 liên:

- + Liên 1: Lưu lại phòng kế toán
- + Liên 2: Giao cho người nhận
- + Liên 3: Giao cho thủ quỹ

* *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ cái TK 111
- Nhật ký chung
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

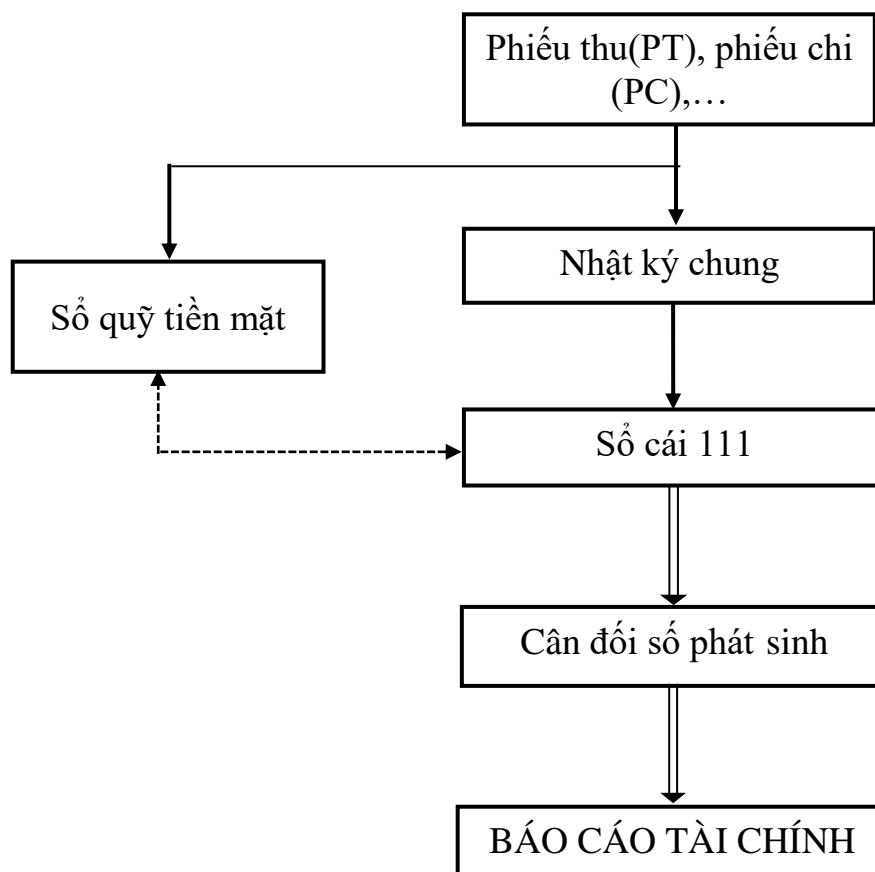
2.2.1.3. Trình tự hạch toán kế toán tiền mặt

Khi có nghiệp vụ thu, chi tiền mặt xảy ra, kế toán căn cứ hóa đơn bán hàng, mua hàng, hóa đơn GTGT để lập phiếu thu, phiếu chi, sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu thu, phiếu chi, sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán trưởng duyệt (có chữ ký thủ trưởng đơn vị nếu là phiếu chi). Phiếu thu, phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực

hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 111. Định kỳ hoặc cuối năm, từ sổ cái TK 111 kế toán tập hợp vào bảng cân đối số phát sinh. Sau đó từ bảng cân đối số phát sinh và sổ cái TK 111 tập hợp vào báo cáo tài chính.

Quy trình ghi sổ chứng từ kế toán tiền mặt tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán kế toán tiền mặt tại Công ty CP Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒

2.2.1.4. Ví dụ minh họa:

Nghiệp vụ 1: Ngày 05/01 rút tiền gửi tại ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu bằng Sec số tiền 150.000.000đ

Kế toán ghi vào sổ sách định khoản sau:

Nợ TK 111 : 150.000.000

Có TK 1121 : 150.000.000

Căn cứ vào giấy báo Nợ (Biểu 2.1) kế toán lập phiếu thu số 002 (Biểu 2.2). Sau đó thủ quỹ làm nhiệm vụ nhập quỹ.

Căn cứ vào giấy báo Nợ, Phiếu thu số 002 kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9) và sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.10), từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.11)

Biểu số 2.1:

NGÂN HÀNG TMCP DẦU KHÍ TOÀN
CẦU GP.BANK - HẢI PHÒNG
MST: 2700113651-002

Theo công văn số 15815/CT-AC
Cục thuế TP Hà Nội

GP.BANK

Commitment to
Excellence

PHIẾU BÁO NỢ

Trang 1/1

Ngày 05 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: CTY CP CHẾ BIẾN DVTS CÁT HẢI

Số tài khoản: 105-001-00004179-8

Địa chỉ: THỊ TRẤN CÁT HẢI-

Loại tiền: VND

HẢI PHÒNG

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Mã số thuế: 0200432014

Số bút toán hạch toán: LD110100006;0

G-Account: 10020735

GP- Bank xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Rút tiền mặt bằng Sec	150.000.000
Tổng số tiền	150.000.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu VDN

Diễn giải: Nguyễn Thị Lan rút tiền mặt từ TK Cty CP Chế biến DVTS Cát Hải

Lập phiếu**Kiểm soát****Kế toán trưởng**

Biểu số 2.2

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số:PT002

Ngày 05 tháng 01 năm 2016

Quyển số:

Nợ 111: 150.000.000

Có 1121: 150.000.000

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ: Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải

Lý do nộp: Rút tiền mặt về nhập quỹ

Số tiền : 150.000.000 đồng

Bằng chữ: *Một trăm năm mươi triệu đồng*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 01 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nghiệp vụ 2: Ngày 08/01/2016 thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông tháng 12/2015 theo HĐ số 0841681 tổng số tiền 970.941 (thuế VAT 90.994)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 879.947

Nợ TK 133: 90.994

Có TK 111: 970.941

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0841681(Biểu 2.3), kế toán lập phiếu chi số 007 (Biểu 2.4).

Căn cứ vào phiếu chi số 007 có đầy đủ chữ ký xác nhận của các bên liên quan, kế toán lập sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9) và sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.10), từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.11)

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.3:

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
 Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTK2/001
Ký hiệu (Serial No):AA/13P
 Số (No): 0841681

Mã số thuế: 0200287977

Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Hòa Quang- Cát Hải - Hải Phòng

Tên khách hàng: Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải - Hải Phòng

Số điện thoại: 0313886258.....Mã số (code): HPG-05-272595(H_AHAI_24)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK.....MST: 0200432014

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (Kind of service)	ĐVT (UNIT)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount) VND
1	2	3	4	5	6=4x5
Kỳ cước tháng: 12/2015					
	a.Cước dịch vụ viễn thông				909.940
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				708.421
	c.Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mại				-708.421
	e.Trừ đặt cọc + trích thưởng + Nợ cũ				-29.993
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					909.940
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10% x (1):					90.994
Tổng cộng (Grand total) (1+2)					970.941
<i>Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm bảy mươi nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng</i>					

Ngày 08 tháng 01 năm 2016

Người nộp tiền ký
 (Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
 (Signature of dealing staff)

Biểu số 2.4

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số:PC007

Ngày 08 tháng 01 năm 2016

Quyển số:

Nợ 642: 879.947

Nợ 1331: 90.994

Có 111: 970.941

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ: Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải

Lý do chi: TT tiền cước dịch vụ viễn thông- TT dịch vụ khách hàng

Số tiền : 970.941 đồng

Bằng chữ: *Chín trăm bảy mươi nghìn chín trăm bốn mươi đồng.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc HĐ 0841681

Ngày 08 tháng 01 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Nghiệp vụ 3: Ngày 17/01/2016, nộp tiền vào Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu, số tiền 500.000.000đ

Kế toán ghi vào sổ sách định khoản sau:

Nợ TK 1121 GPB: 500.000.000

Có 111 : 500.000.000

Căn cứ vào phiếu chi số 008 (Biểu số 2.5) và giấy báo Có (Biểu số 2.6) kế toán vào sổ Nhật ký chung(Biểu số 2.9), sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.10) từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.11)

Biểu số 2.5

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI**Số:PC008**

Ngày 17 tháng 01 năm 2016 Quyển số:

Nợ 1121GPB: 500.000.000

Có 111: 500.000.000

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ: Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải

Lý do chi: Nộp tiền vào TK Ngân hàng GP.Bank

Số tiền : 500.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 17 tháng 01 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(ký,họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký,họ tên)</i>	<i>(Ký,họ tên)</i>	<i>(Ký,họ tên)</i>	<i>(Ký,họ tên)</i>

Biểu số 2.6:

NGÂN HÀNG TMCP DẦU KHÍ TOÀN CẦU
GP.BANK - HẢI PHÒNG
MST: 2700113651-002

Theo công văn số 15815/CT-AC
Cục thuế TP Hà Nội

GP.BANK

Commitment to
Excellence

PHIẾU BÁO CÁO

Trang 1/1

Ngày 17 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: CTY CP CHẾ BIẾN DVTS CÁT HẢI

Số tài khoản: 105-001-00004179-8

Địa chỉ: THỊ TRẤN CÁT HẢI-

Loại tiền: VND

HẢI PHÒNG

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Mã số thuế: 0200432014

Số bút toán hạch toán: LD110100006;0

G-Account: 10020735

GP- Bank xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Cash Deposit	500.000.000
Tổng số tiền	500.000.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm triệu VDN chẵn

Diễn giải: Nguyễn Thị Lan nộp tiền vào TK Cty CP Chế biến DVTS Cát Hải

Lập phiếu**Kiểm soát****Kế toán trưởng**

Biểu số 2.9.

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 01 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
		
05/01	PT002	05/01	Rút tiền gửi tại ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu về nhập quỹ	111	150.000.000	
05/01	PT002	05/01	tiền gửi ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu về nhập quỹ	112GPB		150.000.000
08/01	PC007	08/01	Thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông	642	879.947	
08/01	PC007	08/01	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	90.994	
08/01	PC007	08/01	Tiền mặt	111		970.941
17/01	GBC	17/01	Nộp tiền vào ngân hàng GPB	112GPB	500.000.000	
17/01	PC008	17/01	Tiền mặt	111		500.000.000
19/01	PC009	19/01	Mua 4 máy vi tính Toshiba của CT TNHH Thiết bị & Cơ điện H.Anh	211	72.000.000	
19/01	PC009	19/01	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	7.200.000	
19/01	PC009	19/01	Thanh toán bằng Tiền mặt	111		79.200.000
19/01	BPBK01	19/01	Máy vi tính được bàn giao cho phòng kế toán	642	600.000	
19/01	BPBK01	19/01	Trích khấu hao	214		600.000
		
			Cộng số phát sinh	x	35.924.810.578	35.924.810.578

Ngày 31 tháng 01 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kê toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số 2.10.

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số S05a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 01 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ			Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		
Ngày	Thu	Chi			Thu	Chi	Tồn
			Số dư đầu kỳ				<u>55.069.415</u>
		
05/01	PT002		Rút tiền gửi ngân hàng TMCP GPB về nhập quỹ	112	150.000.000		158.378.215
		
08/01		PC007	TT tiền cước điện thoại viễn thông	642	-	879.947	353.737.362
08/01		PC007	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	-	90.994	353.646.368
		
17/01		PC008	Nộp tiền vào TK Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	112	-	500.000.000	128.646.368
		
19/01		PC009	TT tiền máy vi tính cho CT TNHH Thiết bị & Cơ điện Hùng Anh	211	-	72.000.000	127.548.914
19/01		PC009	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	-	7.200.000	120.348.914
		
			Cộng số phát sinh		819.000.000	865.558.203	
			Số dư cuối kỳ				<u>8.481.212</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số 2.11.

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 01 năm 2016
Tên tài khoản: Tiền mặt
Số hiệu: 111

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>55.069.415</u>	
				
PT002	05/01	Rút tiền mặt tại ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu về nhập quỹ	112	150.000.000	
				
PC007	08/01	Thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông	642		879.947
PC007	08/01	Thuế GTGT được khấu trừ	1331		90.994
				
PC008	17/01	Nộp tiền vào TK Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	112		500.000.000
				
PC009	19/01	Thanh toán tiền máy vi tính cho CT TNHH Thiết bị & Cơ điện Hùng Anh	211		72.000.000
PC009	19/01	Thuế GTGT được khấu trừ	1331		7.200.000
				
		Cộng phát sinh		819.000.000	865.588.203
		Số dư cuối kỳ		<u>8.481.212</u>	

Ngày 31 tháng 01 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

2.2.2. Công tác kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi Ngân hàng cũng đóng một vai trò quan trọng diễn ra thường xuyên tại công ty, thể hiện tính đa dạng hóa về hình thức thanh toán, thuận lợi cho việc luân chuyển tiền tệ.

Theo quy định tất cả các khoản tiền nhàn rỗi của công ty đều phải gửi Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hay các Công ty tài chính. Khi cần chi tiêu, doanh nghiệp làm thủ tục rút tiền hay chuyển tiền.

Việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi Ngân hàng. Tại công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải kế toán tiền gửi Ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành chế độ quản lý tiền và thanh toán không dùng tiền mặt.

2.2.2.1. Tài khoản sử dụng.

Sử dụng tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Trong đó sử dụng 2 tài khoản chi tiết là:

- Tài khoản 1121 GPB: Tiền gửi Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu
- Tài khoản 1121CTHP: Tiền gửi Ngân hàng TMCP Công thương Việt

Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

* *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo Nợ
- Giấy báo Có
- Sổ phụ tài khoản Ngân hàng
- Kèm theo các chứng từ khác: ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, Sec chuyển

khoản.

* *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ tiền gửi Ngân hàng
- Sổ cái TK 112

2.2.2.3. Trình tự hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng

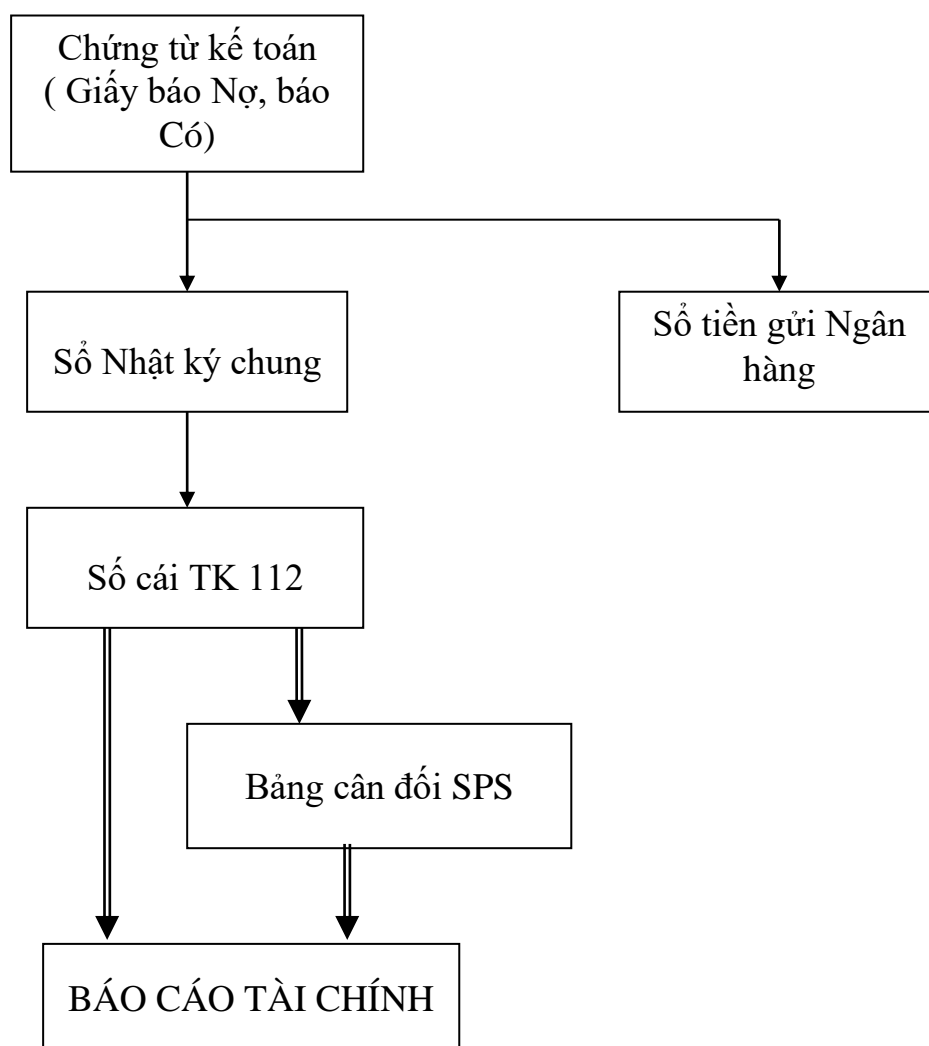
Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng như thanh toán qua Ngân hàng, kế toán căn cứ hóa đơn bán hàng, mua hàng, hóa đơn GTGT

để lập ủy nhiệm chi và gửi đến Ngân hàng, Ngân hàng nhận được ủy nhiệm chi sẽ tiến hành thanh toán đồng thời gửi giấy báo nợ kèm theo sổ hạch toán chi tiết của Ngân hàng. Đối với trường hợp làm tăng tiền gửi Ngân hàng của công ty sẽ nhận được giấy báo Có kèm theo sổ hạch toán chi tiết của Ngân hàng.

Căn cứ vào các chứng từ của Ngân hàng như giấy báo Nợ, giấy báo Có, giấy nộp tiền, sổ hạch toán chi tiết của Ngân hàng, kế toán vào sổ Nhật ký chung, sổ tiền gửi Ngân hàng(mở chi tiết theo từng Ngân hàng). Từ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 112

Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ cái vào Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty CP Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải



Ghi chú :
 → Ghi hàng ngày
 ⇨ Ghi cuối tháng

2.2.2.4. Ví dụ minh họa

Nghiệp vụ 1: Ngày 04/01/ 2016 nhận được giấy báo Có của ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu thông báo Công ty cổ phần Trường Vinh thanh toán tiền mua hàng theo hóa đơn số 0044337 ngày 22/12/2015 số tiền 101.200.000đ

Kế toán ghi vào sổ sách định khoản sau:

Nợ 1121 GPB: 101.202.000

Có 131 : 101.200.000

Căn cứ vào giấy báo Có của Ngân hàng (Biểu số 2.7), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9) và sổ tiền gửi Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu (Biểu số 2.12). Từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 112 (Biểu số 2.11).

Biểu số 2.7

NGÂN HÀNG TMCP DẦU KHÍ TOÀN CẦU
GP.BANK - HẢI PHÒNG
MST: 2700113651-002

Theo công văn số 15815/CT-AC
Cục thuế TP Hà Nội

GP.BANK

Commitment to Excellence

PHIẾU BÁO CÁO

Trang 1/1

Ngày 04 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: CTY CP CHẾ BIẾN DVTS CÁT HẢI Số tài khoản: 105-001-00004179-8
Địa chỉ: THỊ TRẤN CÁT HẢI- Loại tiền: VND
HẢI PHÒNG Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán
Mã số thuế: 0200432014 Số bút toán hạch toán:
G-Account: 10020735

GP- Bank xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Công ty cổ phần Trường Vinh thanh toán tiền mua hàng theo hóa đơn 0044337	101.200.000
Tổng số tiền	101.200.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm linh một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn

Diễn giải: Công ty cổ phần Trường Vinh thanh toán tiền mua hàng theo hóa đơn số 0044337

Lập phiếu**Kiểm soát****Kế toán trưởng**

Nghiệp vụ 2: Ngày 29/1/2016, công ty thanh toán tiền mua bàn cân điện tử 5 tấn của công ty TNHH thiết bị & cơ điện Hùng Anh theo hóa đơn số 0084752 bằng chuyển khoản tại ngân hàng TMCP Công Thương - chi nhánh Hải Phòng, tổng số tiền thanh toán là 52.800.000 đồng

Kế toán ghi vào sổ sách định khoản như sau:

- Nợ TK 211 : 48.000.000

- Nợ TK 1131 : 4.800.000

Có TK 1121CTHP : 52.800.000

Căn cứ vào HĐ GTGT (liên 2) (Biểu số 2.8) Công ty gửi UNC tới ngân hàng (Biểu số 2.13). NH sau khi thanh toán tiền sẽ gửi Giấy báo nợ về công ty (Biểu số 2.14). Từ giấy báo nợ kế toán lập Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9). Sau đó ghi vào sổ Tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương (Biểu số 2.12). Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 112 (Biểu số 2.11)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 29 tháng 01 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001
Kí hiệu: AA/16P
Số: 0084752

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ & CƠ ĐIỆN HÙNG ANH

MST: 0101365342

Địa chỉ: B2 - Lô 5 - Khu Đô Thị Mới- Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Số TK: 010.00000.109.570

Tại: Ngân hàng SeAbank – Hai Bà Trưng- Hà Nội

Họ và tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải

MST: 0200432014

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải, TP.Hải Phòng

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cân bàn điện tử 5 tấn	Chiếc	01		48.000.000
Cộng tiền hàng:					48.000.000
Thuế suất: 10%		Thuế GTGT:			4.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					52.800.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16.

ỦY NHIỆM CHI Chuyển khoản, chuyển tiền điện tử Lập ngày 29 tháng 01 năm 2016		Phần do ngân hàng ghi
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH thiết bị & cơ điện Hùng Anh Số TK: 010.00000.109.570 Tại Ngân hàng : SeAbank – Hai Bà Trưng- Hà Nội		Tài khoản Nợ:
Tên đơn vị trả tiền : Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải Số TK : 102010000208912 Tại ngân hàng : Công Thương chi nhánh Hải Phòng		Tài khoản Có:
		Số tiền bằng số: 52.800.000
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng..... Ghi số ngày:...../...../..... Kế toán KT trưởng	Ngân hàng Ghi số ngày:...../...../..... Kế toán KT trưởng
Kế toán Chủ TK		

Biểu 2.17.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG



Mã GDV:

Mã KH:CB123

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 29 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 010.00000.109.570

Số tiền bằng số: 52.800.000

Số tiền bằng chữ: Năm hai triệu tám trăm nghìn đồng

Nội dung: thanh toán tiền hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Nghiệp vụ 3: Ngày 31/01/2016 Ngân hàng TMCP Công Thương - chi nhánh Hồng Bàng gửi giấy báo lãi thông báo số lãi đến cuối ngày 31/01/2016 số tiền là 14.432 đồng.

Kế toán ghi vào sổ sách định khoản sau:

Nợ TK 1121CTHP : 14.432

Có TK 515 : 14.432

Căn cứ vào giấy báo Lãi Ngân hàng (Biểu số 2.15), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9) và sổ tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hồng Bàng (Biểu số 2.12). Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 112 (Biểu số 2.11)

Biểu số 2.15

Date printed: 31/01/16 15:53:36

Vietinbank

Branch: 00164

DDIO35P

Branch: 00164 CN HAI PHONG - NHTMCP CONG THUONG VIET NAM

GIẤY BÁO LÃI

(Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/01/2016)

Kính gửi: CONG TY CP CHE BIEN DVTS CAT HAI

Chúng tôi đã tính lãi đến cuối ngày 31/01/2016 tài khoản: 102010000208912

Mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất (% năm): 1.924.267 Số tiền lãi: 14.432 VND

Ngân hàng: CN HAI PHONG - NHTMCP CONG THUONG VIET NAM

Kính báo

LẬP PHIẾU**KIỂM SOÁT****KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Biểu số 2.9

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 01 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
		
04/01	GBC	04/01	Công ty CP Trường Vinh trả tiền mua hàng theo HD 0044337	1121GPB	101.200.000	
04/01	GBC	04/01	Phải thu khách hàng	131		101.200.000
05/01	PT002	05/01	Rút tiền gửi ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu về nhập quỹ	111	150.000.000	
05/01	PT002	05/01	Tiền gửi ngân hàng GPBank	1121GPB		150.000.000
		
18/01	GBC	18/01	Nộp tiền vào ngân hàng GPBank	112GPB	400.000.000	
18/01	GBC	18/01	Tiền mặt	111		400.000.000
		
29/01	GBN	29/01	Thanh toán tiền hàng cho cty TNHH Tb& Cđ Hùng Anh	211	48.000.000	
29/01	GBN	29/01	Thuế GTGT được khấu trừ	1331	4.800.000	
29/01	GBN	29/01	Tiền gửi ngân hàng Vietinbank	1121CTHB		52.800.000
		
31/01	GBL	31/01	Lãi tiền gửi ngân hàng TMCP Công thương VN	1121CTHB	14.432	
31/01	GBL	31/01	Doanh thu hoạt động tài chính	515		14.432
		
x	x	x	Cộng phát sinh	X	35.924.810.578	35.924.810.578

Ngày 31 tháng 01 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số 2.12

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số S06-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VND)

Tài khoản 1121GPB

Tháng 01/2016

Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đối ứng	Số tiền		
Số hiệu	Ngày			Thu (Gửi vào)	Chi (Rút ra)	Tồn
		Số dư đầu kỳ				<u>65.360.538</u>
		Số phát sinh				
GBC	04/01	Cty CP Trường Vinh TT mua hàng theo HĐ 0044337	131	101.200.000		166.560.538
PT002	05/01	Rút tiền tại ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu về nhập quỹ	111		150.000.000	16.560.538
	
GBC	18/01	Nộp tiền vào ngân hàng GPBank	111	400.000.000		416.560.538
	
		Cộng lũy kế		865.443.289	652.114.564	
		Số dư cuối kỳ				<u>278.689.263</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2016

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

Biểu số 2.12

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số S06-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VND)

Tài khoản 1121CTHB

Tháng 01/2016

Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đổi ứng	Số tiền		
Số hiệu	Ngày			Thu (Gửi vào)	Chi (Rút ra)	Tồn
		Số dư đầu kỳ				<u>55.353.824</u>
		Số phát sinh				
	
GBN	29/01	Thanh toán tiền hàng cho Cty TNHH TB&CĐ Hùng Anh	211		48.000.000	7.353.824
GBN	29/01	Thuế GTGT	1331		4.800.000	2.553.824
GBL	31/01	Lãi tiền gửi tháng 01/2016	515	14.432		2.568.256
		Cộng lũy kế		14.432	52.800.000	
		Số dư cuối kỳ				<u>2.568.256</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số 2.22

Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải
Thị trấn Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 01/2016

Tên tài khoản: Tiền gửi Ngân hàng

Số hiệu: 112

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>120.714.362</u>	
		Số phát sinh			
	
GBC	04/01	Công ty CP Trường Vinh tt tiền mua hàng theo HĐ 0044337	131	101.200.000	
GBN	05/01	Rút tiền từ ngân hàng GPBank về nhập quỹ	111		150.000.000
	
GBC	18/01	Nộp tiền vào ngân hàng GPBank	111	400.000.000	
	
GBN	29/01	Mua cân bàn điện tử 5 tấn thanh toán bằng TGNH vietinbank	211		48.000.000
GBN	29/01	Thuế GTGT được khấu trừ	1331		4.800.000
	
GBL	31/01	Lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank	515	14.432	
		Cộng số phát sinh		865.457.721	704.914.564
		Số dư cuối kỳ		<u>281.257.519</u>	

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DVTS CÁT HẢI****3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải.**

Trong suốt quá trình từ khi thành lập đến nay, Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải đã trải qua rất nhiều khó khăn, thử thách để tồn tại, cạnh tranh phát triển. Trải qua thời gian trưởng thành và phát triển, công ty đã dần khẳng định được vị thế của mình, gặt hái được nhiều thành công, hoạt động kinh doanh cũng được củng cố và nâng cao. Đóng góp vào thành công đó, bên cạnh sự cố gắng của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty thì không kể đến sự cố gắng nỗ lực của các nhân viên kế toán nói chung và nhân viên kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Trong quá trình thực tập tại Công ty em đã được tiếp cận với công tác tổ chức kế toán đặc biệt là phân hành kế toán vốn bằng tiền và đã nhận thấy những ưu điểm cũng như những hạn chế cần khắc phục như sau:

3.1.1. Ưu điểm.

- **Về tổ chức bộ máy của công ty:** bộ máy tổ chức của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Cơ cấu này nhằm đảm bảo việc xử lý nhanh, linh hoạt và có hiệu quả các vấn đề quản lý phát sinh trong quá trình điều hành.

- **Phòng kế toán:** có đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi. Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán đã thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán đều có trình độ đại học, luôn phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả cao trong công ty.

- **Về mô hình tổ chức kế toán:** Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán, chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy số liệu luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

- **Về hình thức sổ kế toán:** Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức sổ áp dụng khá phổ biến hiện nay. Hình thức sổ Nhật ký chung có các ưu điểm: hạn chế số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp nhất với việc áp dụng kế toán trên máy vi tính.

- **Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng:** nhìn chung phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với đặc điểm của công ty, đã đáp ứng được yêu cầu quản lý.

+ Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

+ Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

+ Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học. gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được đảm bảo an toàn theo quy định của nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

- Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm vốn bằng tiền lên hệ thống sổ sách của công ty.

+ Về kế toán tiền mặt tại quỹ: Công ty thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành về nguyên tắc quản lý tiền mặt. Mọi khoản thu, chi, bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ thực hiện. Tất cả các khoản thu, chi đều có chứng từ hợp lệ và chữ ký của kế toán trưởng, thủ trưởng đơn vị. Thủ quỹ và kế toán tiền mặt độc lập với nhau, chỉ thực hiện đối chiếu kết quả.

+ Về kế toán tiền gửi Ngân hàng: Kế toán liên hệ chặt chẽ và có mối quan hệ tốt với Ngân hàng. Tập hợp, theo dõi các chứng từ và đối chiếu với ngân hàng.

+ Kế toán vốn bằng tiền được theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ của kế toán trưởng.

3.1.2. Nhược điểm

Mặc dù công tác kế toán tại Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải đã đáp ứng những nhu cầu quản lý về hai khía cạnh: tuân thủ chuẩn mực kế toán nói chung và phù hợp với tình hình quản lý chung của Công ty. Nhưng vẫn còn một số tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

- **Về bộ máy kế toán:** Số lượng các nghiệp vụ phát sinh ngày càng nhiều, một kế toán phải đảm nhiệm nhiều phần hành làm khối lượng công việc càng nặng nề.

- **Về hệ thống chứng từ, sổ sách:**

+ Không mở sổ Tổng hợp tiền gửi ngân hàng vì thế gây khó khăn trong việc so sánh, đối chiếu các khoản tiền phát sinh với các sổ sách liên quan như sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 112.

+ Bảng kê tiền mặt không được thường xuyên.

- **Về vấn đề kiểm kê quỹ định kỳ:** Tiền là một tài sản trọng yếu và đóng vai trò quan trọng trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì thế việc xây dựng kế hoạch để quản lý một cách hiệu quả tiền mặt sẽ giảm thiểu khả năng thanh toán cũng như tăng hiệu quả sử dụng đồng tiền của doanh nghiệp, đồng thời giúp ngăn ngừa hành vi về gian lận tài chính. Tuy nhiên hoạt động kiểm kê quỹ tại doanh nghiệp vẫn chưa được coi trọng. Việc kiểm soát chưa chặt chẽ lưu lượng tiền mặt tại quỹ sẽ gây ra rất nhiều khó khăn cho công ty như: Không đảm bảo tính chính xác của các số liệu kế toán và báo cáo tài chính của công ty, gia tăng rủi ro gian lận hoặc trộm cắp đối với công ty do bên thứ ba hoặc nhân viên công ty gây ra, gia tăng rủi ro sai sót không cố ý của nhân viên mà có thể gây ra tổn hại của công ty, gia tăng rủi ro không tuân thủ chính sách và quy trình kinh tế của doanh nghiệp.

- **Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:**

Hiện nay công ty đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: Word, Excel,...mà chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp

vẫn chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ.

3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải

3.2.1. Hoàn thiện về công tác quản lý tiền mặt

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm, có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê trong đó phải có thủ quỹ, kế toán tiền mặt, kế toán trưởng là thành viên. Bảng kiểm kê phải ghi rõ số liệu chứng từ và thời điểm kiểm kê. Trước khi kiểm kê thủ quỹ phải ghi sổ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, Ban kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ thành hai bản:

- Một bản lưu trữ ở thủ quỹ
- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt

Việc quản lý tiền tệ có tác dụng giúp cho Ban giám đốc nắm bắt được số tiền tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ tại thời điểm kiểm kê. Từ đó có biện pháp tốt hơn trong việc quản lý tăng cường quản lý quỹ nếu thừa hay thiếu số tiền thực tế trong quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ chênh lệch để kế toán viên rút kinh nghiệm. Vì thế kiểm kê quỹ thường xuyên sẽ giúp công ty xác định được lượng tiền tồn quỹ để có biện pháp thu hồi nợ hoặc thanh toán tiền hàng. Bảng kiểm kê quỹ được lập như sau:

Biểu số 3.1:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: 08a - TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**(Dùng cho VND)**

Hôm nay, vào...giờ....ngày....tháng....năm...

Chúng tôi gồm:

- Ông (Bà):.....Đại diện kế toán
- Ông (Bà):.....Đại diện thủ quỹ
- Ông (Bà):.....Đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng(tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	
II	Số kiểm kê thực tế	x	
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3	- Loại		
4	- Loại		
5		
III	Chênh lệch (III = I -II)	x	

- Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng**(Ký, họ tên)****Thủ quỹ****(Ký, họ tên)****Người chịu trách nhiệm kiểm kê****quỹ****(Ký, họ tên)**

- Kế toán bổ sung Nhật ký Thu, Chi tiền

Kế toán Vốn bằng tiền nên mở Nhật ký thu, chi tiền vì hàng ngày các nghiệp vụ liên quan đến việc chi tiền mặt phát sinh nhiều. Do đó việc sử dụng Nhật ký thu, chi tiền giúp kế toán có thể liệt kê được các khoản đã thu chi làm căn cứ quyết toán cho các khoản tiền đã thu chi và ghi sổ kế toán. Mặt khác làm cơ sở đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt, tránh nhầm lẫn trong việc kê khai các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến tiền mặt, Nhật ký thu chi tiền có mẫu sổ như sau:

Biểu 3.2:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: S03a1 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK..	Ghi Có các TK				
	Số	Ngày tháng			Tài khoản khác				
					Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước						
			Cộng chuyển						

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :.....

Ngày....tháng....năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: S03a2 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK..	Ghi Nợ các TK				
	Số	Ngày tháng			Tài khoản khác				
					Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển						
			Cộng chuyển sang trang						

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :.....

Ngày....tháng....năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

3.2.2. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách:

Để công tác Vốn bằng tiền tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán thì công ty nên sử dụng đúng mẫu sổ được ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC với mẫu như sau:

Biểu số 3.4:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S03a - DNN*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm:

Đơn vị tính:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x		

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :.....

Ngày....tháng....năm...

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu số 3.5:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S03b - DNN*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm:

Tên tài khoản:

Số hiệu:

Đơn vị tính:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			-Số dư đầu năm -SPS trong tháng					
			-Cộng SPS tháng -Số dư cuối tháng -Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số.....

- Ngày mở sổ :.....

Ngày....tháng....năm...

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

3.2.3. Ứng dụng phần mềm kế toán máy trong công tác kế toán

Trong bối cảnh hiện nay, vi tính hóa công tác kế toán là một tất yếu và cần thiết với ưu điểm xử lý nhanh, chính xác, lưu giữ nhiều thông tin và truy cập dữ liệu tốc độ cao. Điều đó tạo điều kiện cho nhân viên kế toán làm việc hiệu quả, công việc sẽ không bị dồn vào cuối tháng. Đồng thời chất lượng quản lý và cung cấp thông tin cho công tác quản lý ngày càng tốt hơn. Do vậy công ty nên có một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp.

Sau đây em xin giới thiệu phần mềm kế toán MISA SME.NET thích hợp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.



MISA SME.NET gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần biết nhiều tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi phát sinh của mình. Doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tiếp tại bất cứ đâu, bất kì khi nào thông qua Internet. Đặc biệt MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành in, quản lý và sử dụng hóa đơn.

KẾT LUẬN

Công tác kế toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết và rất quan trọng. Thông tin kế toán vốn bằng tiền giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tăng giảm vốn bằng tiền của doanh nghiệp, từ đó có kế hoạch sử dụng vốn bằng tiền sao cho hợp lý, có hiệu quả để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải” đã được đề cập một số vấn đề sau:

- Về mặt lý luận: Đã đưa ra những lý luận chung về vốn bằng tiền và hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được việc tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải và lấy số liệu năm 2016 để minh chứng.

- Thông qua việc đối chiếu lý luận với thực tiễn và chế độ chính sách hiện hành, khóa luận đã nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải.

Do kiến thức thực tế chưa nhiều và thời gian thực tập còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp của em còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Em mong được sự đóng góp của các cô chú trong doanh nghiệp, phòng kế toán của công ty và sự chỉ dạy của các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Để đạt được kết quả này em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ chỉ bảo tận tình của cô giáo Thạc sỹ Đồng Thị Nga, cùng tập thể ban lãnh đạo và phòng kế toán Công ty CP Chế biến DVTS Cát Hải đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu vừa qua.

Em xin chân thành cảm ơn!